

SỐ 1795

LƯỢC SỚ KINH  
ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG VIÊN GIÁC  
TU-ĐA-LA LIỄU NGHĨA

QUYỂN THƯỢNG  
(Phần 2)

Dưới đây là đoạn lớn thứ hai, dạy nương vào sự hiểu biết tu hành tùy căn cơ chứng nhập, nghĩa là mở đầu người pháp gương sáng soi chiếu tâm, mau được tin hiểu, cho đến tu chứng lâu dài, nên từng tiết mục khác nhau, vì chướng có cạn sâu, căn cơ có lợi độn, thói quen có dày mỏng, tâm hạnh trái nhau, cho nên chỗ nào cũng phải tùy theo căn cơ dẫn dắt khiến được ra khỏi. Nhưng sự tu chứng kia giai cấp cao thấp tuy khác nhau nhưng phải nhờ bốn nhân, cho nên nói nương vào giải thích. Trước là tin hiểu. Ở đây là hành chứng cho nên bộ Hoa nghiêm cũng chỉ có bốn điều này, trong văn có hai:

1. Nêu lên giải thích dụng tâm.
2. Nói rộng hành tướng.

Sở dĩ như thế, vì lý ngộ tu một khác khó rõ, ý phù hợp với thật tướng mà dường như trái, vì thế phải nêu lên giải thích khiến hiểu dụng tâm. Nhưng sau tùy tánh tùy duyên, nói rộng về hành tướng. Ở đây trước hết nêu lên giải thích bốn đoạn của khoa lớn trong văn không khác môn đầu, trong phần bày thỉnh có ba cũng giống như trước nêu. Ở đây:

**1. Trước là hỏi về oai nghi:** Bấy giờ, Bồ-tát Phổ Hiền ở trong đại chúng, liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi, đánh lễ dưới chân Phật, đi nhiều bên phải ba vòng, quỳ thẳng chấp tay bạch Phật rằng: Phổ Hiền chính là thể trong hạnh, nêu đầu tiên làm chỗ nương chung, quán môn riêng không lia ở đây.

**2. Hai Thánh biểu pháp rồi đầy đủ văn trước.** Kế là trình bày, trong văn có bốn:

1) Một là y theo căn cơ đương thời nêu lên. Xin Đại bi Thế Tôn! vì các chúng Bồ-tát trong hội này và vì tất cả chúng sinh đời mạt pháp tu hạnh Đại thừa: nghe cảnh giới viên giác thanh tịnh này mà nói tu hành như thế nào? Tin hiểu viên giác tức là căn cơ đương thời, dù đạt được thiên chân vẫn chưa rõ duyên khởi, đại sĩ thương xót tiếp dẫn rủ lòng, trưng hỏi kỹ lưỡng dụng tâm giải hạnh kế hợp như thế nào?

2) Hai là hỏi giải hành trái nhau. Trong đó lại chia hai: Huyền huyền tu như thế nào?

Thế Tôn! Nếu chúng sinh kia: Là chỉ cho căn cơ đương thời ở trước. Biết như huyền: thân tâm cũng huyền (là giải thích) vì sao dùng huyền trở lại tu huyền? (Là hành). Nghĩa là tất cả như huyền chính giải mới thành. Pháp huyền chẳng chân làm sao tu tập? Cho nên giải và hành tới lui trái nhau, nêu lên giải thích dụng tâm thật do ở đây. Đây hỏi từ trước biết là hoa đốm trong hư không tức là do các văn nói về không còn trôi lăn... mà có. Ý nói thân tâm đã như huyền, năng tri cũng là huyền, dùng huyền lại trừ huyền, huyền huyền làm sao cùng tận. Huyền nghĩa là thế gian có pháp huyền, nương theo cỏ cây... huyền làm người, súc sinh rõ ràng dường như có tướng của động tác qua lại. Chốc lát pháp tàn tạ lại thành cỏ cây. Nhưng các kinh giáo dụ huyền rất nhiều, bởi vì năm thiên ở đây nói rất nhiều, thấy nghe đã xét pháp lý dễ rõ, và truyền đến Trung quốc trở thành khó hiểu. Nay y theo văn của các Đại sư xưa giải thích Hoa Nghiêm như huyền. Pháp dụ mỗi thứ chia ra năm pháp, trong ví dụ có năm, như cột một chiếc khăn huyền.

a) Con ngựa, một khăn sở y.

b) Pháp ảo thuật của nhà ảo thuật.

c) Ngựa ảo.

d) Ngựa có liền không.

e) Người ngu chấp là ngựa, trong pháp có năm:

- Chân tánh.

- Tâm thức.

- Y tha khởi.

- Ngã pháp tức là không.

- Mê chấp ngã pháp, các ví dụ ảo thuật dưới đây đều dựa

theo đây mà biết.

### **3. Ba Hỏi đoạn diệt ai tu.**

Nếu các tánh huyền tất cả diệt hết thì không có tâm, vậy ai là người tu hành, vì sao lại nói tu hành như huyền?

Câu hỏi này cũng từ việc phải dấu vết ở trước mà có. Nghĩa là

nếu vì như huyễn nên tất cả đều không, năng sở đều không, vậy dạy ai tu tập? Vì sao lại nói tu hành như huyễn? Kinh Kim cương Tam-muội chép: Tâm tính chúng sinh vốn vắng lặng, tâm vắng lặng thể không sắc tướng, vì sao nói tu tập được bốn không tâm.

#### **4. Bốn là ngăn lỗi không tu.**

Nếu các chúng sinh vốn không tu hành, đối với sự sinh tử thường ở trong huyễn hóa, sẽ không biết rõ cảnh giới như huyễn, khiến tâm vọng tưởng làm sao giải thoát. Ý nói sợ hãi mê hoặc. Lại nói: Tất cả như huyễn, thấy đều là không, giác tính vô sinh xưa nay thanh tịnh, biết kia tức là mình thì làm sao có tu hành? Cho nên ở đây ngăn rằng: bốn không vốn không tu, nhiều đời khổ sinh tử, nay không, nay không tu, thì làm sao thoát khổ? Không rõ cảnh giới như huyễn là chưa đạt đến duyên khởi sự tướng. Từ xưa đến nay không thông hiểu vọng tưởng, không được giải thoát. Nay lại không biết rõ, như thế làm sao được giải thoát? Ý đấm chìm thời cận đại rất nhiều, chỉ cậy vào thiên chân mà không quán lực dụng.

#### **5. Năm Phương tiện thành tu.**

Xin vì tất cả chúng sinh đời mạt pháp, dạy phải làm phương tiện gì tu tập dần dần, khiến các chúng sinh lìa hẳn các huyễn.

Như trên là ngăn lỗi không tu, đã biết thì quyết định nên tu.

Hỏi: Pháp môn đối trị làm thế nào lìa hẳn các huyễn?

Đáp: Luận chép: nếu người chỉ nhớ nghĩ chân như, không dùng các thứ phương tiện huân tu, thì không bao giờ được thanh tịnh, đối với dần dần xa lìa cho nên nói là lìa hẳn, nghĩa là trước quán nhất thể, dù giác ngộ được toàn chân, sau gặp tám thứ gió thì lãng xăng khởi lên vọng tưởng, hạnh như cùng tử, hiểu như ánh điện chớp dùng pháp gì tu trị? Để trừ hẳn gốc bệnh. Nhưng kinh nói: tất cả chúng sinh làm phương tiện gì? Giữa hai câu ý vẫn dứt bật, dịch quá sơ lược, nên nói rộng thêm giải thích các lời, ý thì nối nhau, thông suốt rõ ràng? Sau cũng thường như vậy, dưới đây là ba lần xướng văn kinh, mô phỏng theo khoa đoạn ở trước.

Nói lời ấy rồi, năm vốc gieo sát đất, thỉnh ba lần như thế, đến cuối rồi trở lại đầu. Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Phổ Hiền rằng: Lành thay, lành thay! Nay người thiện nam! Các ông mới có thể vì các Bồ-tát và chúng sinh mời mạt pháp, mà tu tập Tam-muội như huyễn của Bồ-tát: Tam-muội. Hán dịch là Chánh thọ, do thấu đạt thân tâm Như Huyền thì thâm hợp với bốn giác chân như, như gương nhận bóng, chẳng phải nhận, chẳng phải chống cự, vì thế gọi là chánh thọ.

Phương tiện dần dần khiến các chúng sinh được lìa các huyễn. Nay ông lắng nghe, ta sẽ nói cho ông nghe. Lúc bấy giờ, Bồ-tát Phổ Hiền vui mừng vâng lời chỉ dạy, và các đại chúng im lặng lắng nghe: là phần giảng nói, trong văn xuôi có bốn.

1. Nêu huyễn từ giác sinh để làm nghĩa gốc.
2. Nói huyễn hết thì giác tròn đầy, để giải thích nghi ngờ ở trước.
3. Khiến lìa huyễn, hiển bày giác, là chỉ bày dụng tâm.
4. Nói huyễn và giác không đi chung. Kết thúc đáp lời thỉnh mời.

Ở đây, trước là phần thứ nhất nói nghĩa gốc: vì Phổ Hiền chỉ nêu lên tu huyễn, không hỏi chỗ sinh ra huyễn, Phật dạy sinh trong tâm giác, không vì chính đáp lời hỏi, hơn nữa phải nêu lên làm gốc, dựa vào đó nói lên huyễn hết thì giác tròn đầy, vì thế có tu thì nghĩa huyễn thành. Huyễn hết vốn chẳng phải đoạn diệt, cho nên luận chép: Tâm tự tánh thanh tịnh do vô minh lay động, cho đến vô minh diệt trí tánh không hoại, như gió ngừng thổi tánh ướt không mất.

Này người thiện nam, tất cả chúng sinh tạo ra các thứ huyễn hóa, như năm uẩn, mười hai xứ, mười tám giới hữu lậu... Kệ chép: huyễn vô minh. Điều sinh: các pháp hữu lậu đều từ tánh tịnh chân tâm mà sinh, nương chân khởi vọng.

Như lai: Tâm này tùy phạm Thánh đồng nương, chỉ có Phật chứng đắc tròn đầy, y theo Phật mà nêu.

Viên: Là lìa tướng, giác: Thì chẳng phải không; Diệu: là nhiễm mà không nhiễm. Tâm: trong thật thần giải, tiếng Phạm là Càn-lật-đà, là tâm chắc thật, không đồng nghĩa của duyên lự lập khởi. Nói điều sinh: tâm thể bản giác là nhân. Căn bản bất giác là duyên sinh, nghiệp thức ba đời là nhân, cảnh giới là duyên sinh sáu thọ. Vì thế kinh Lăng-già chép: Này Đại tuệ! Không thể suy nghĩ bàn luận, không thể suy nghĩ bàn luận biến là nhân hiện thức. Chọn lấy các bụi trần và vọng tưởng từ vô thỉ mà huân là nhân của phân biệt sự thức. Cho nên biết các pháp đều không có tự thể, phải mượn chỗ nương, nương tâm viên giác mà sinh khởi. Như ngựa ảo thuật không có thật thể, phải nương vào khăn, khăn dụ chân tâm, ngựa tức là năm uẩn, mười tám giới. Phối hợp với năm pháp trước gốc ngọn nên biết.

Hỏi: Chân có thể sinh vọng, chân là nguồn vọng, vì sao ở trước nói vô minh không có thật thể?

Đáp: Vọng gá vào chân mà khởi nên nói chân là nguồn, hiện trở lại mê chân, chân vốn không vọng, như mặt trăng thứ hai nương vào mặt trăng thật mà sinh ra, nói mặt trăng thật làm chỗ nương cho mặt

trắng thứ hai. Mặt trắng thật không có vắng thứ hai, tức là mặt trắng thứ hai không có thật thể của nó. Cho nên kinh nói: Các thứ sinh nơi tâm giác, không phải tâm sinh các thứ, nhưng các kinh luận đều nói “Muôn pháp nhất tâm, ba cõi duy thức”. Tông đồ có khác, người học ít biết, nay y theo năm giáo lược nêu chỗ khác nhau.

1. Ngũ pháp Thanh văn giáo: giả nói nhất tâm, nghĩa là thật có cảnh ngoài, chỉ do tâm gây ra nghiệp mà chiêu cảm ra.

2. Đại thừa quyền giáo: nói A-lại-da chín muồi gọi là nhất tâm, ngăn dứt vô cảnh.

3. Đại thừa thật giáo: cho Như lai tạng là nhất tâm, lý không hai.

4. Nhất thừa đốn giáo: Dứt bặt nhiễm tịnh, chỉ là nhất tâm, bác bỏ các số.

5. Nhất thừa Viên giáo: bao gồm muôn hữu, tức là nhất tâm, lý-sự-bổn-mạt chẳng khác nhau.

Năm giáo trên đây sau cùng sâu, sau thâm tóm trước, trước không nhiếp sau, nhưng đều nói nhất tâm, có sự khác nhau này. Vì kinh nói theo căn cơ, luận suốt thì kinh thông, người theo luận chấp, đến nỗi khiến đời mạt pháp chấp chặt sự cạn cợt tạm bợ, nay bổn mạt thông suốt, khiến năm môn đều hiển rõ tông chỉ, đối nhau lại là ba môn.

1. *Y theo sở thuyết*: trái thứ tự thuận pháp, từ bốn đến một, xoay vẫn khởi mạt. Nghĩa là vốn chỉ chẳng phải nhiễm chẳng phải tịnh, tâm nhất pháp giới, do tên gọi bất giác, Như lai tạng cùng sinh diệt hợp nhau thành thức A-lại-da (thức thứ tám).

Lại do chấp đây làm ngã pháp, chuyển khởi bảy thức còn lại thành tám thức. Mỗi thức đều do thức thể khởi năng kiến phần, do năng kiến nên dường như ngoại cảnh hiện, chấp lấy cảnh này làm định thật, tạo ra các nghiệp chung, nghiệp riêng, vì thế trong thì mê ra tự thân, ngoài thì chiêu cảm khí giới tất cả các pháp.

2. *Y theo năng thuyết*: vẫn thuận pháp nghịch, từ một đến bốn, xoay vẫn cùng tốt cội gốc. Nghĩa là Đức Phật đối với căn tánh thấp kém chưa thể mau thông đạt cội gốc sinh khởi ra muôn pháp: hơn nữa nói từ nghiệp chiêu cảm, đây là Thanh văn giáo đầu tiên. Kế là căn cơ hơi tốt. Nói năng sở chiêu cảm, tất cả duy thức, xoay vẫn cho đến chỉ một chân tâm, gọi là đốn giáo... đều do căn cơ cao thấp, khiến nói có cạn sâu, nếu chấp đấm thì mê sau sau. Thông hiểu đầu cuối mới cùng tốt nguồn gốc.

3. *Năng thuyết sở thuyết*: nghịch thuận, bốn mạt đều không chướng ngại, vì xứng pháp tánh thẳng nói không theo căn cơ nên nói là

khác, tức là Viên giáo. Nghĩa của Duy tâm kinh luận đã nêu rõ. Mê thì hướng mặt vào tường, hiểu thì muôn pháp trước gương, hướng nữa đây nêu làm nghĩa gốc như thế sao không rõ tận cội nguồn? Người thông suốt hãy xét kỹ! Chớ trách bày ra đầy đủ. Dưới đây là phần thứ hai, nói về huyễn hết thì giác tròn đầy, để giải thích nghi ngờ trước. Nhưng trên nói huyễn từ giác sinh, duyên nhiễm sinh khởi. Ở đây nói về huyễn hết giác tròn đầy, duyên tịnh sinh khởi, cho nên luận chép: Có bốn pháp huân tập nghĩa, nhiễm pháp tịnh pháp khởi lên không chấm dứt. Pháp nhiễm: do nương pháp chân như có ra vô minh, vô minh huân tập chân như nên có vọng tâm, vọng tâm huân tập vô minh, không rõ pháp chân như, bất giác vọng khởi hiện cảnh giới vọng, cảnh giới vọng làm nhiễm pháp duyên, tức là huân tập vọng tâm, khiến niệm mê đắm, tạo ra các nghiệp, phải chịu tất cả các khổ thân tâm. Vì thế kinh Thắng-man chép: không nhiễm mà nhiễm, pháp thân không thêm không bớt. Kinh chép: pháp thân trôi lăn trong năm đường, gọi là chúng sinh. Kinh Hoa Nghiêm chép: Tâm như người thợ vẽ... tịnh duyên khởi:

**Luận chép:** Do có pháp chân như nên huân tập vô minh, khiến cho vọng tâm nhằm chán khổ sinh tử, ưa cầu Niết-bàn, do nhằm chán ham cầu tức là huân tập chân như. Tự tin, đã tin, biết tâm vọng động, không có cảnh giới trước, tu pháp xa lìa, các thứ phương tiện khởi hạnh thuận theo, không chấp không niệm, cho đến năng lực huân tập lâu dài. Vô minh thì diệt, vì vô minh diệt nên tâm không khởi, cảnh giới diệt theo. Tướng Tâm đều cùng tận, gọi là được Niết-bàn, thành nghiệp tự nhiên, nhưng duyên thanh tịnh khởi trái với duyên nhiễm ở trước, duyên không tự tánh, nhiễm tịnh đều dung hợp tánh pháp giới, khởi chỉ do tánh khởi cho nên không dứt hết. Như Kinh Hoa nghiêm chép: y theo phương này gọi là huyễn hết giác tròn đầy, trong văn chia làm ba:

- Nêu ví dụ bao gồm văn giải thích trước.
- Pháp hợp chỉ nói về nghĩa gốc.

- Gồm cả, giác đồng với huyễn, nay đầu tiên giống như hoa đốm trong hư không từ hư không mà có, dụ cho nghĩa gốc ở trước, nghĩa là hoa đốm trong hư không rất ráo thật không có sanh diệt, nhưng vì mắt bị màng nên thấy hoa. Khi bị màng che thì hoa nương hư không mà hiện, nói từ hư không mà có, như diệu tánh viên giác rất ráo không sinh, chỉ vì tâm mê trong tánh vọng thấy, khi đã mê thì vọng nương giác hiện, nói sinh ra ở giác.

Hoa huyễn tuy diệt nhưng tánh hư không chẳng hoại, chính là dụ đoạn này giải thích văn nghi ngờ, nghĩa là che lấp khác nhau thì thấy

hoa tan biến trong hư không. Hoa tuy diệt mà hư không thường còn. Nhưng hoa khi sinh không sinh, khi diệt không diệt, có che lấp có khác nhau, thấy sinh, thấy diệt. Hai pháp hợp lại chỉ nói nghĩa gốc. Chúng sinh tâm huyễn lại nương huyễn diệt, nghĩa là tâm huyễn này do trí rõ suốt mới được trừ diệt. Sở liễu là huyễn, năng liễu cũng huyễn, thì ở trước nghi rằng huyễn huyễn làm sao tu? Nay đáp ý rằng: Không ngại dùng huyễn trừ huyễn, lại ở trước nói: huyễn hết thì đoạn diệt, kể ở dưới đây đáp rằng: Các huyễn diệt hết, tâm giác bất động, đây là năng sở đều quên, liền khế hợp Viên giác. Giống như sóng do nước dậy, sóng tan nước còn, huyễn từ giác sinh, huyễn diệt thì giác tròn đầy.

Kế gồm cả phát, đồng với giác của huyễn, phát có ba lớp: Nương huyễn, nói giác cũng gọi là huyễn, phát giác là giác của vọng, đối duyên mà khởi nên cũng là huyễn.

Nếu nói có giác vẫn chưa lìa huyễn, người sợ tu tập liền nghĩ rằng: giác đối với vọng gọi là huyễn, giác không đối vọng vốn có thì chẳng phải hư huyễn, nếu sanh tâm này, sanh thì như huyễn.

Nói vô giác cũng giống như vậy, hoặc nói hai giác đều vô tức gọi là chân. Ý này cũng vẫn như huyễn, tóm lại: khởi tâm động niệm nói vọng nói chân đều là huyễn, đuổi nhau khởi niệm, thế cùng cực có ba lớp.

Cho nên huyễn diệt gọi là bất động, hoặc dứt bật không nương nhờ, phân biệt không sinh, chân tâm viên giác tự nhiên hiển hiện. Vốn không huyễn hóa, nên nói bất động.

Kế là giúp cho lìa huyễn bày giác, chính là bày dụng tâm, là trả lời ý hỏi tu tập ở trước. Trước không nghi ngờ hợp với tu không tu, nhưng đối với tu nghi ngờ dụng tâm trái nhau, một bề chỉ thỉnh tu hành như thế nào để lìa huyễn? Gồm lỗi tự mình che lấp không tu, vì thế đoạn trước giải thích nghi ngờ rồi, đoạn này chính là chỉ bày dụng tâm, đoạn sau liền thông hiểu. Lời nói phương tiện thứ lớp, đã khiến lìa huyễn tu hành, bèn thông hiểu được lỗi nghi ngờ không tu. Vì thế không có văn trả lời riêng, trong văn có ba: nói pháp dụ hợp, trong pháp chia làm hai: Trước xoay vẫn lìa huyễn.

“Này người thiện nam! Tất cả Bồ-tát và chúng sinh đời mạt pháp, là nêu chỉ cho đương cơ”. Phải nên là lời khuyên nhắc xoay vẫn bốn lớp.

Xa lìa tất cả cảnh giới huyễn hóa luống dối.

1. Lìa các cảnh huyễn, do giữ chắc xa lìa tâm, tâm như huyễn cũng lại xa lìa.



2. Xa lìa “tâm lìa huyễn”, nói như huyễn là để phân biệt với chẳng phải tâm huyễn, xa lìa là huyễn cũng lại xa lìa.

3. Khiến xa lìa “lìa huyễn”, lìa xa lìa huyễn cũng lại xa lìa.

4. Khiến xa lìa “lìa cái lìa”, cũng có thể một là lìa vọng, hai là lìa giác, ba là khiến xa lìa, bốn là bỏ cái khiến. Đều nói xa lìa có hai: một là chỉ; hai là quán. Chỉ lìa: dừng tâm dứt ý không bao giờ phan duyên như người gặp kẻ thù không nên ở chung. Quán lìa: pháp luống dối đều không có thể tánh, như mộng thấy gông xiềng, thức dậy thì đã lìa, vì thế văn dưới đây nói: biết huyễn tức lìa, sau thâm hiển bày chân giác.

Một là, được không chỗ lìa tức dứt các huyễn, trong mộng thấy mộng xoay vẫn biết trước đó là chẳng đúng, đến khi thức thì thấy biết mới thật, cho nên nói như vậy. Không chỗ lìa có hai ý:

a) Thâm hợp với chân giác, chân giác thì không thể lìa.

b) Đến trong chân giác, tự nhiên không như trên là các thứ huyễn có thể xa lìa. Hà Trạch nói: vọng khởi liền giác, vọng diệt giác diệt, giác vọng đều diệt tức là chân như.

Hai là, ví dụ: thí như dùi lửa, hai cây cọ nhau mà phát ra lửa, gỗ hết tro bay khói tắt. Như có một khúc củi khô, dùng một khúc gỗ khác dùi thì lửa phát ra, trở lại đốt hai khúc gỗ, gỗ lửa đã hết khói tự nhiên tắt, đã thành tro bụi mặc cho bay đi, hai cây khác nhau hình chất làm ngại, như kế là bốn việc phối với pháp, khúc gỗ dụ cho pháp được tu là huyễn vọng. Gỗ đồ lấy lửa dụ cho năng tu huyễn trí, khói dụ cho xa lìa, tro dụ xua đuổi. Văn kinh trước nói: Tro bay là dịch ngược, hợp lại là khói diệt trước, các tro bay đi. Trong thí dụ thiếu ở bày giác, vì văn lược bỏ, trước pháp sau hợp, đều có đủ, nếu muốn đầy đủ, thì nên dùng đất dụ cho Viên giác, do gỗ... từ đất sinh ra, cháy hết sạch chỉ còn đất, như các thứ huyễn hóa sinh trong diệu tâm viên giác, huyễn hóa thường động hết, viên giác xưa nay bất động.

Ba là, hợp dùng huyễn tu huyễn cũng giống như vậy, các huyễn tuy hết nhưng không vào đoạn diệt. Ba câu trên là chính văn hiện của hợp dụ, một câu dưới gồm cả ở trước thâm bày chân giác.

Bốn là, nói huyễn và giác không đi chung, kết thúc đáp lời thỉnh. Nay người thiện nam! Biết huyễn tức lìa, không hành phương tiện, lìa huyễn tức giác, cũng không thứ lớp, trước nói thực hành phương tiện gì để thứ lớp tu tập? Nay các chúng sinh xa lìa hẳn các huyễn, cho nên Đức Phật chỉ bày dụng tâm xong. Kết thúc trả lời không thực hành phương tiện cũng không thứ lớp, như vậy mới xa lìa được các huyễn, thông hiểu việc hỏi trong văn. Nhưng biết được đó là huyễn thì mình gọi là



liã, nhưng xa liã được huyễn tức vốn là giác. Lại không có thứ lớp, dần dần biến thành giác. Như người mộng thấy thân lở loét, hỏi bác sĩ thuốc chữa, tỉnh dậy đã biết là mộng, thì đâu còn thực hành phương tiện gì? Nếu đợi phương tiện tu dần dần xa liã tức là thật pháp, đâu gọi là huyễn hóa, nếu chấp thật có thì lại thành vọng chấp, đâu gọi là tu hành? Cho nên nói như thế.

Tất cả Bồ-tát và chúng sinh đời mạt pháp, y theo đây tu hành, như thế mới liã hẳn các huyễn, kết quả thành xa liã chân thật, cũng là chung kết văn của dụng tâm ở trước.

Kế là bốn đoạn trong kệ tụng, theo thứ lớp kệ phúng tụng, lại văn xuôi, khoa văn hoàn toàn giống nhau, không phiên nói lại.

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn nói lại nghĩa này bèn nói kệ rằng, lại nêu lên, văn sau mô phỏng theo đây.

*Phổ Hiền ông nên biết,  
Tất cả các chúng sinh,  
Huyễn vô minh vô tử,  
Đều từ các Như lai,  
Lập ra tâm Viên giác.*

Nêu chỉ cho sinh: Nói về vô minh thì văn xuôi không, kệ có.

*Như hoa đốm trong hư không,  
Nương không mà có tướng,  
Hoa giữa không nếu diệt,  
Hư không vẫn bất động.  
Huyễn từ các giác sanh  
Huyễn diệt giác tròn đầy  
Vì tâm giác bất động.*

Xoay vần phải dấu vết văn xuôi có, kệ không. Nếu các Bồ-tát kia, và chúng sinh đời mạt, thường nên xa liã huyễn, các huyễn thấy đều liã, như trong gỗ sinh lửa, gỗ hết lửa lại tắt.

Văn xuôi liã kệ hợp, lại pháp hợp và thâm hiển bày chân giác văn xuôi có, kệ không.

*Giác thì không thứ lớp,  
Phương tiện cũng như vậy.  
Văn kết thúc trả lời,  
Văn xuôi có, kệ không,  
Nêu lên giải thích dụng tâm xong.*

Dưới đây là đoạn văn lớn. Thứ hai nói rộng về hành tướng, có chín câu hỏi đáp, gom lại làm ba.

- Ban đầu bốn lần hỏi đáp nói chung về quán hạnh, thượng căn tu chứng. Kế là bốn lần hỏi đáp, nói riêng về quán hạnh, trung căn tu chứng, sau là một lần hỏi đáp, nói về đạo tràng gia hạnh, hạ căn tu chứng. Nhưng ba môn này trước trước không nhờ sau sau, sau sau phải theo đuổi trước trước, trong phần đầu có bốn.

1) Mở bày quán môn đồng với Phật.

2) Gạn hỏi giải thích mê ngộ, đầu cuối.

3) Nghiên cứu sâu cội gốc luân hồi.

4) Lược chia địa vị tu chứng. Y theo cửa môn đầu có bốn, ba đều giống như trước.

Ở đây trước hỏi oai nghi.

Bấy giờ, Bồ-tát Phổ Nhãn ở trong đại chúng, liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi, đảnh lễ dưới chân Phật, đi quanh theo chiều bên phải ba vòng, quỳ thẳng chấp tay bạch Phật rằng: nghĩa cũng đồng như trên, kế là trình bày bốn trường hợp, trong đó có ba.

*1. Nêu pháp thỉnh.*

Đại bi Thế Tôn! Xin vì các chúng Bồ-tát trong hội này, và tất cả chúng sinh đời mạt pháp, giảng nói thứ lớp tu hành của Bồ-tát. Nêu thỉnh tu hành theo thứ lớp, do câu hỏi của Phổ Hiền rất sâu xa, Như lai xứng lý trả lời, trước muốn tiêu trừ tâm bệnh, sau đó muôn hạnh đều tu. Hoặc có nghe trước nói rằng biết huyền tức lìa, không hành phương tiện, cũng không thứ lớp, nghĩa là nói biết huyền tức đã lìa đều không nhờ tu. Phổ Nhãn muốn giúp cho giáo pháp tròn đầy nên thưa hỏi pháp môn khởi hạnh. Vì thế Phật dạy giữ giới, ngồi thẳng, thường nghĩ như vậy... xoay vần cho đến quán hạnh thành tựu.

Vì sao? dưới đây đều nêu riêng.

Suy nghĩ: Quán sát chân vọng tức là tư tuệ.

Thế nào là trụ trì? Ngộ được cảnh giới mâu nhiệm an trú trong đó, giữ gìn không mất, tức là tu tuệ. Ở dưới là lắng nghe Phật dạy là sinh văn tuệ. Từ phàm đến Thánh phải nhờ ba tuệ, vì thế Phổ Nhãn vì chúng mong cầu xin, trên đều hỏi về trí, dưới đây là hỏi về bi rằng. Chúng sinh chưa ngộ, phải thực hành phương tiện gì? Giúp mọi người khai ngộ, ở đây đồng với Pháp Hoa, muốn giúp cho chúng sinh “khai thị ngộ nhập”, dùng khai để thấu nhiếp Thị, dùng Ngộ thấu nhiếp nhập, vì khai thị y theo năng hóa, ngộ nhập y theo sở hóa. y theo kinh này thì dưới đây Phật trả lời hoàn toàn dùng Như lai thanh tịnh tâm viên giác đã hiển bày ở trước làm căn bản. Do quán nhân, không, pháp không, và diệt ảnh tượng, hư không vô biên giác được hiển phát. Viên giác sáng

tỏ cho nên hiển bày tâm thanh tịnh, cho đến ngang bằng với chư Phật, tức là khắp khiến khai ngộ.

2. *Lại hiển bày thừa thỉnh.*

Bạch Đức Thế Tôn! Nếu chúng sinh kia không có phương tiện chân chính và suy nghĩ chân chính, nghe Phật, Như lai nói Tam-muội này thì tâm sinh mê muội liền không thể ngộ nhập viên giác, trái lại nếu được nghe Phật dạy phương tiện suy nghĩ liền khai ngộ. Nói nghe Tam-muội này, chính là trước lừa pháp môn huyễn ảo. Vì thế Phật trước nói: Ông hãy tu tập Tam-muội Như Huyễn.

3. *Kết thúc thừa thỉnh:* Xin khởi lòng từ bi, vì chúng con và tất cả chúng sinh đời mạt pháp mà giả nói phương tiện. Giả nói, vì tánh giác vốn tròn đầy, pháp vọng vốn vắng lặng thật không có tu. Chỉ vì người mới ngộ thói quen mê mờ khó dứt ngay, vì thế cầu thỉnh đối với vô tu giả nói phương tiện tu tập, dưới đây xưng ba lần mô phỏng theo trước.

Nói lời ấy rồi, năm vốc gieo sát đất, thỉnh ba lần như vậy, đến cuối rồi trở lại đầu.

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Phổ Nhân rằng: Lành thay, lành thay! Nay người thiện nam! Các ông mới có thể vì các Bồ-tát và chúng sinh đời mạt pháp, hỏi Như lai thứ lớp tu hành, suy nghĩ trụ trì, cho đến giả nói các thứ phương tiện, nay ông lắng nghe, ta sẽ nói cho ông nghe. Lúc bấy giờ, Bồ-tát Phổ Nhân vâng lời dạy bảo vui mừng, và các đại chúng im lặng lắng nghe. Thứ tư là chính nói, trong văn xuôi có bốn.

1. Phương tiện khởi hạnh.
2. Quán hạnh Thành tựu.
3. Mau đồng cảnh Phật.
4. Kết thúc nhắc lại lời thưa hỏi.

1. *Đây là mở đầu.*

Này người thiện nam! Các Bồ-tát mới học kia và tất cả chúng sinh đời mạt pháp, muốn cầu tâm viên giác Thanh tịnh của Như lai, chỉ nêu đường cơ.

Phải nên chính niệm, xa lìa các huyễn, trước chỉ nêu ra giải thích lìa huyễn, để làm gốc cho khởi hạnh. Nếu chấp pháp chắc chắn là thật, thì quán hạnh không thành. Vì thế trước phải thực hiện phương tiện chánh niệm thì được vô niệm. Cho nên luận Trí Độ chép: hữu niệm là nghiệp ma, vô niệm là pháp ấn.

**Luận chép:** lìa tướng niệm sánh bằng hư không giới. Lại nói: Tất

cả chúng sinh không gọi là giác, vì từ xưa đến nay niệm niệm nối nhau không hề lìa niệm, cho nên biết vô niệm là chánh niệm. Nhưng chánh niệm và lìa huyễn thành tựu lẫn nhau, do lìa huyễn cho nên chánh niệm, chánh niệm nên lìa huyễn. Vì sao! Vì bên ngoài còn có pháp thì bên trong khởi duyên niệm, bên trong có duyên niệm thì bên ngoài thấy có pháp, do đây chỉ cho cả hai, đứng đầu các hạnh.

2. Văn quán hạnh thành tựu có hai:

- Đầu tiên là giới, định:

Trước nương hạnh Xa-ma-tha của Như lai, Xa-ma-tha, Hán dịch là chỉ, chỉ là định nghĩa. Văn sau giải thích rằng: Rất yên tĩnh là hành, định có cạn sâu, cho nên nêu Như lai để phân biệt với chẳng phải định thô cạn, tà, nhỏ. Nếu loạn tâm giữ giới thì không thể nhập vào quán môn này, vì thế trước định sau giới, cũng có thể văn tuy trước sau nhưng tu không có trước sau.

Giữ gìn giới cấm, một bề bất duyên, không nghĩ phạm, gọi là giữ vững, ngăn ngừa căn môn, răn dè thân miệng, nên gọi là cấm giới. Giới phẩm tuy nhiều nhưng gồm thành ba nhóm:

1. Nhiếp luật nghi.
2. Nhiếp thiện pháp.
3. Nhiếp chúng sinh.

Ở đây ý nói luật nghi, nghĩa có cả hai. Luật nghi giới nghĩa là mười vô tận, tóm lại chỉ có bốn trọng, bốn trọng này thanh tịnh thì tất cả nhánh lá không sinh.

Xếp đặt yên ổn đồ chúng, tức là người đồng hành, đồng kiến.

Hành nghiệp đã đồng, thì thay nhau đẽo gọt, cùng thương lượng, vì làm lớn thêm duyên đạo, vì thế phải xếp đặt yên ổn cho nên kinh Bảo Tích quyển bảy mươi hai chép: được thân người, kia nên nương Thiện tri thức mà nghe pháp bình đẳng của Phật ba đời, nghe rồi nên phát tâm siêng năng tinh tấn, nương vào thành ấp, làng xóm cùng đại chúng ở chung bốn bộ, lại nêu thắc mắc lẫn nhau, bàn luận Phật pháp, học hỏi khó trả lời, pháp bình đẳng của ba đời Phật hiện ra ở trước, hiểu tất cả pháp không có tự tánh, tu theo sự hiểu biết này thì phiền não dần dần dứt trừ.

Yên vui tĩnh thất là yên lặng, ngồi là nhiếp thân, thân trú thì tâm an, tâm nhàn thì cảnh vắng lặng, muốn an trú thân tâm nên phải yên ổn, ở trong thất yên lặng hay ở trong chúng đâu không trái nhau. Ở đây có hai cách giải thích:

1. Căn tánh khác nhau, nên hoặc thường hôn trầm, được chúng

sách tấn, hoặc thường trao cử nên tự mình dứt, duyên chẳng phải một người mà làm hai việc.

2. Định học tuệ học đồng đều: Nói quán hạnh viên thông, chỉ quán phải giúp nhau, phải nương bạn tốt, hoặc đồng kiến đồng hạnh, suốt ngày thảo luận pháp môn, không để dụng tâm sai lầm, sai một mảy may cách xa ngàn dặm, nên kinh Tịnh Danh chép: Không cần phải ngồi là ngồi yên, tuy cùng chúng an trú, không ngại ở phòng mình, đầu hôm, nửa đêm, gần sáng ngoài bàn luận Phật pháp chuyển đọc tôn kinh thì phải ngồi yên, suy nghĩ vẫn tư tu tuệ tròn sáng, đầu nên lơ là qua buổi vì thế không trái nhau. Ở đây y theo định giữ giới, ở trong chúng ngồi yên trả lời trú trì hỏi. Hai là quán tuệ, vẫn có hai.

1. Nói về quán hai không.

2. Sau nói về quán pháp giới.

- Trước là hai không: Chúng sinh nhiều kiếp chìm đắm, hoặc rơi vào tà kiến Tiểu thừa, không thành chủng trí, là do hai chướng.

a. Chướng không dứt do hai chấp, muốn dứt hai chấp, phải nhờ hai không, cho nên đối với pháp giới ở văn trước, trước thực hành hai không quán trí, chấp quên chướng hết, thì tánh Thánh hiện ra, ứng dụng số sát sông Hằng, được gọi là Phật, trong văn có hai: 1. Phá chấp. 2. Bày lý. Trong phần một có hai:

- Ngã không.

- Pháp không.

Ngã không, lại có hai:

- Quán thân vô ngã.

- Quán tâm vô ngã.

Chấp ngã đều do năm uẩn, tự tướng năm uẩn chỉ có thân và tâm, nay có đoạn lớn mở bày. Nhưng bắt đầu phân tích riêng từng thứ, rong ruổi như thế vọng chấp chạy đường nào? Hoặc nói về thân là chung, thì sắc tâm là riêng, nay nói về ngã là chung, thân tâm là riêng. Ở đây trước quán thân, thân là cội gốc các ái, rõ ràng luống dối, thì tất cả phiền não tự dứt, nếu kia mê đắm thì khởi vô lượng lỗi lầm, nên ngài Tịnh Danh nhờ bệnh mà nói rộng về vô thường, khổ, không, vô ngã, khuyên khiến nhàm chán. Niết-bàn có thì dụ dùng bốn con rắn cũng khiến lìa bỏ. Kinh Kim Quang Minh, luận Trí Độ đều nói bội ân, trong văn có hai: Trước là tìm cầu quán sát, sau là như thật quán. Trước là do tìm cầu xem xét, mới thấy lý như thật, đây là phần đầu.

Thường nghĩ như thế, đi, đứng, nằm, ngồi bất cứ lúc nào cũng thường quán như thế.

Nay thân ta đây chấp thọ đã bền chắc nên quán nghiêng lệch. Bốn đại hòa hợp, cứng ướt, nóng động, giả hòa hợp. Nên kinh Bảo Tích chép: Khi thân này sinh ra cùng với bốn đại chủng tánh của cha mẹ, một loại là Ca-la-la thân, nếu chỉ kéo địa đại mà không có thủy giới (cõi nước), thí như có người nắm bột gạo rang và tro cuối cùng không trộn lộn, hoặc chỉ có thủy giới không có địa giới, thí như dầu và nước không chắc thật, liền bị trôi chảy, nếu chỉ có đất, nước mà không có lửa thí như mặt trăng mùa hạ ở chỗ bóng râm, cục thịt mà không có ánh sáng mặt trời tức liền hư thối, nếu chỉ có đất, nước, lửa không có gió, thì không lớn lên. Kinh Tịnh Danh cũng chép: Bốn đại hòa hợp giả gọi là thân, bốn đại không chủ thể, thân cũng không ngã, cho nên văn kinh này trở lại chia bốn đại mỗi đại trở về chỗ cũ, đó là lóc, lông, móng, tay, răng, da, thịt, gân, xương, tủy não cái bản đều trả về với đất, cứng chắc thuộc về đất.

Đờm, mũi, máu, huyết, nước bọt nước dãi, đờm mũi tinh khí, đại tiểu tiện đều trở về nước, trơn ướt thuộc về nước.

Hơi nóng trở về lửa rất dễ hiểu, nhưng khí (hơi) là gốc của bốn đại, không chỉ là gió. Vì thế đối với thủy đại, hỏa đại cũng gọi là khí.

Động chuyển trở về gió, kinh Tịnh Danh chép: Thân này vô tác, bị năng lực của gió xoay chuyển, nghĩa là mê tánh khởi tâm, tâm vận động năng lực gió chuyển ba đại còn lại, mà có động tác, tác không có tự tánh, cho nên nói là không, bốn đại đều nói trở về, thân này do bốn đại hòa hợp mà thành, nay nói thân vô chủ cho nên trở về bốn đại.

Bốn đại mỗi đại đều xa lìa, khi chánh quán mỗi thứ đều có chỗ trả về, tức gọi là lìa, không nói khi chết mới gọi là lìa, vì kinh am-đề-già Nữ Liễu Nghĩa nói về nghĩa sinh tử rằng: Nếu biết rõ bốn duyên đất, nước, gió, lửa rốt ráo không hề tự được có sự hòa hợp cho là nghĩa sinh, nếu biết đất, nước, gió, lửa rốt ráo không thật có, có chỗ tan rã chính là nghĩa tử. Ý này nói về ngay nơi hợp là tan, ngay nơi tan là hợp, cho nên văn nói hợp tan, đều không thật có. Nay thân huyễn đang ở chỗ nào? Hơn nữa đất có hình ngại nên bị dính mắc, gió không hình ngại nên nhẹ nhàng, thể tự trái nhau, nước lửa xâm phạm lẫn nhau, cho nên biết bốn đại trái nhau, mỗi đại khác nhau, không hề xét xem thân ta thuộc đại nào? Nếu thuộc tương chung, thì có bốn ngã, nếu không thuộc chung, thì nên xa lìa bốn đại mà ngã thân có, nên nói như vậy. Sau quán như thật.

Tức biết thân này rốt ráo không có tự thể, hòa hợp thành tướng, thật đồng huyễn hóa, nói do trước tầm tữ, thấy lý như thật, chắc chắn

biết bốn đại chẳng phải ngã, chỉ y theo hòa hợp giả gọi là thân, cũng không có thật thể. Luận Trí Độ quyển mười bốn hỏi: Nếu tự thân không ngã mà chấp ngã thì thân người là vô ngã lẽ ra cũng nên chấp ngã mới phải chứ?

Đáp: Cũng có người đối với vật khác chấp là ngã, như ngoại đạo ngồi thiền lúc nhập vào quán đất thấy đất tức là ngã, nước, lửa, gió, hư không, thức cũng giống như vậy. Lại như có người đi xa ngủ một mình trong ngôi nhà trống, ban đêm thấy một con quỉ vác một thây chết vào nhà, lại có một con quỉ khác đến tranh giành. Lại, chỉ duyên chấp ngã mà làm tự thân, liền cho thân khác là tha nên sinh ra khó. Sau quán tâm vô ngã, tâm không tự tướng, nương cảnh mới sinh, tánh cảnh vốn không, do tâm mà hiện, căn trần hòa hợp, dường như có tâm duyên, trong ngoài từ chối, cái gì là thể kia? Sinh tử đắm chìm nhiều đời, do không rõ tâm, nếu hiểu được viên giác tự hiện, thì như kinh Thủ-lăng-nghiêm chép: tánh cuồng tự hết, hết tức Bồ-đề, cao quý nhiệm mầu, không từ người mà được. Trong văn có hai:

Một là Quán Tâm tứ.

Bốn duyên (bốn đại) giả hợp, vọng có sáu căn, bốn đại hòa hợp thành một sắc. Đối với sắc này mới có sáu căn, lia sắc thân này căn vốn vô thể. Các đại trả về bốn đại, sắc còn không giữ, thì lỗ hổng sáu căn nương vào đâu? Sáu căn, bốn đại trong ngoài hòa hợp thành, bốn đại là trong, căn là ngoài, trong ngoài giả hòa hợp thành thân này. Chấp có duyên khí chứa nhóm ở trong, dường như có tướng duyên giả gọi là tâm, nhờ nương bốn đại, sáu căn hòa hợp thành thân, nên có sáu trần vọng hiện. Do căn trần trong ngoài này mà dẫn khởi vọng tâm, duyên lực không dứt, niệm niệm sinh diệt, sát-na không dừng, duyên hợp thì có, duyên tan thì không, chối bỏ tự thể, hoàn toàn không thật có, nên nói giả gọi là tâm. Tâm lường dối tuy do giả duyên sinh, nhưng không lia khí phần chân tâm, nên nói duyên hơi thở. Dường như là nói rõ chẳng phải thật có. Duyên tướng là tướng của duyên lực, sau quán như thật.

Này người thiện nam! Tâm lường dối này, nếu không có sáu trần, thì không thể có, phân tích bốn đại, không trần nào thật có, trong đó duyên (bốn duyên) trần (sáu trần) mỗi thứ trở về tan diệt. Tâm nương sáu trần, trần nương bốn đại, bốn đại không tự thể, sáu trần tức không, nên nói tan diệt.

Rốt ráo không có duyên tâm để thấy, duyên trần đã diệt tâm thể tức không, nên quyết phán rằng rốt ráo không thật có. Nói duyên tâm là tâm duyên khí ở trước.



Hỏi: Không trần nào thật có, ba câu ở dưới cũng nói pháp không, đâu được một bề xếp vào nhân không?

Đáp: Ở đây chỉ cho duyên trần đều tan rã, chính là nói lên tâm không, cho nên kết luận rằng: không có tâm để thấy. Thân và tâm đều thuộc ngã chấp.

*Thứ hai là pháp không.*

Này người thiện nam! Chúng sinh kia thân huyễn diệt thì tâm huyễn cũng diệt, tâm huyễn diệt rồi thì trần huyễn cũng diệt, trước đối với thân tâm, tìm cầu vô ngã, nên gọi ngã không, ở đây thì thân tâm và cảnh mỗi thứ tự không nên gọi là pháp không. Nhưng thân... vốn không, chẳng phải nay mới diệt, cho nên kinh nói: sắc tức là không, chẳng phải sắc diệt không, chỉ vì khi mê chấp có, nay chấp hết mới không, nghĩa nói là diệt.

Huyễn trần diệt rồi, thì huyễn diệt cũng diệt, có tâm biến kế thì thấy huyễn sinh, có trí quán sát thì thấy huyễn diệt, đối huyễn sinh nên nói huyễn diệt. Đối với tình chấp nên nói trí tuệ, pháp đối đãi đều thuộc duyên sinh, duyên sinh thì vô tướng, nên đều nói diệt. Bát-nhã Tâm Kinh chép: “Vô nhãn giới cho đến vô trí, cũng không có đắc”. Kinh Lăng-già chép: “Tất cả pháp như huyễn, xa lìa các tâm thức, trí chẳng thật có không, dấy lên tâm đại Bi, trong đoạn văn lớn thứ hai nói về lý. Tức là lý chân như do hai không hiển bày, do trước chấp cùng tận nên lý này hiện, như mây tan mặt trăng hiện, sạch bụi thì gương sáng, chẳng phải nói không mây mà gọi mặt trăng. Nhưng đối chỗ không mây mà thấy mặt trăng. Chẳng phải nói không huyễn thì đó là chân như. Nhưng đối với chỗ không huyễn thì thấy chân lý, trong văn có hai:

*Trước nói về pháp.*

Vì Huyễn diệt diệt (thuộc trước), chẳng phải huyễn không diệt, chính là hiển bày, nói lên tánh viên giác vốn tịnh, tròn sáng riêng thể, toàn chân không nhờ tu mà được, các huyễn tuy diệt tự tánh thường còn, không do duyên sinh, nên nói không huyễn. Kinh Kim cương Tam-muội chép: nếu được không tâm, tâm bất huyễn hóa, nhưng đối vọng trước hết thì giải thích là chân như. Nếu do bốn tông thì chỉ gọi viên giác, sau là ví dụ.

Thí như lau gương sạch bụi thì bóng hiện, tuy nói lau gương trái lại lau bụi, cái gọi là tu đạo chỉ là không theo vọng, tánh gương vốn sáng chẳng phải từ ngoài được, bụi trần che lấp thì ẩn, lau thì hiển ra, ẩn hiện tuy khác nhau nhưng tánh sáng không khác, ở đây nói chấp nhân, chấp pháp là cấu bẩn, tầm từ như thật là lau (chùi), chân tâm bản giác

là nói người không pháp không toàn hiện. Dưới đây là đoạn văn lớn thứ hai nói về quán pháp giới, văn chia làm ba. Đầu tiên là ấn trước bày sau. Thứ hai phủ dấu vết vào huyền diệu, thứ ba: Là nói về pháp giới. Trong phần đầu nói về ấn, trước là hai không hiển, sau là viên thông pháp giới, trong văn lại chia hai: đầu tiên là nêu.

Này người thiện nam! Nên biết thân tâm đều là huyền cấu, đây là ấn trước, huyền là hư huyền, không có thật thể, cấu là bụi trần như bấn làm tên, vì mê huyền tướng chấp lấy trói buộc, ô uế tâm tịnh nên nói là huyền cấu. Chư Phật, Bồ-tát tuy có thân tâm, nhưng nhờ biết như huyền nên không chấp vào tướng, nghĩa là không bụi dính nên chẳng phải bụi, nhờ biết huyền không nên chẳng phải huyền.

Tướng cấu diệt hẳn, mười phương thanh tịnh, ở đây hiển bày ở sau. Các pháp căn trần pháp giới mười phương trùm khắp thanh tịnh. Đó là thân tâm bị bụi che lấp vọng chấp tự tha nên thành hạn cuộc chướng ngại. Nay đã ngã không pháp lạng, chỗ nào mà không thông? Sau giải thích văn có hai. Trước là ví dụ.

Này người thiện nam! Do hai vật hạt châu và gương đã ví dụ không giống nhau, cho nên lại nêu lên nói cho biết.

Thí như hạt châu ma-ni trong sạch chiếu ra năm màu, tùy theo các góc cạnh mà hiện ra, các người ngu si thấy ma-ni kia thật có năm màu, nghĩa là thể tánh ma ni sáng rõ trong suốt, tuyệt đối không hề có vết bấn, không có sắc tướng, do tánh trong sạch. Tất cả sắc đối nhau thì hiện trong đó, năm màu xanh, vàng, đỏ, trắng, đen mỗi màu tùy theo phương hướng mà hiện. Ví dụ này vừa dụ ấn trước, vừa dụ hiển sau. Nói ấn trước là năm màu dụ cho năm đường, tùy theo phương hướng dụ cho tùy nghiệp, người ngu không biết thể của hạt châu, chỉ thấy toàn là xanh vàng, đã là xanh vàng thì không thấy thật thể của hạt châu, vì thế kinh Hoa Nghiêm chép: Phạm phu thấy các pháp, chỉ tùy theo các tướng chuyển, không rõ pháp vô tánh, vì thế không thấy Phật, nếu phối hợp với ba tánh thì ma-ni dụ cho tánh viên thành thật, tức là lý đã nêu ở trước. Hiện sắc dụ cho tánh y tha khởi, tức huyền ở trước. Người ngu chắc chắn thấy có xanh, vàng, dụ cho tánh biến kế sở chấp, tức bụi như ở trước. Nếu xa tức là tướng thân tâm... ở trước. Vì văn này ấn định nghĩa của văn trước, cho nên chỉ ở trước. Nói hiển sau, nhưng hạt châu này do người ngu kia chấp chắc chắn sắc, vì bác bỏ sắc nên phối ba tánh để ấn văn trước, nhưng chỉ có người không kế chấp, tức là các thứ màu sắc của các hạt châu này mỗi màu đều trong sạch, mỗi màu đồng thể, thấy là diệu dụng ứng hiện của hạt châu, không có thể để phá, đem dụ

cho văn sau, pháp giới mười phương tất cả thanh tịnh tròn đầy, không lay động, xen nhau vô ngại, cho nên hiển ở sau, nhưng trước dụ cho gương sáng, chỉ một mặt sáng, lại nói như lau chùi mà hiện, bày tỏ lý hai không phá chấp mới hiển bày, đối chấp mà được tên, nay ngọc ma-ni vốn trong sạch vốn sáng rõ, mười phương đều chiếu, để nói lên tông của pháp giới ở sau. Sau là pháp.

Này người thiện nam! Tánh tịnh viên giác hiện ở thân tâm, tùy loại đều ứng hiện, tức là các thứ huyễn hóa trước hóa sinh trong tâm giác. Nghĩa như kia đã giải thích. Người ngu si kia nói viên giác thanh tịnh thật có tự tướng thân tâm như vậy, là nói viên giác tuy hiện nhưng chẳng phải kia chắc chắn là thật, vì thế cho rằng: Người ngu nói.

**Luận chép:** Tất cả pháp nhiệm không thể làm cho nhiệm, thể của trí là bất động, đầy đủ vô lậu huân tập chúng sinh.

Cũng giống như vậy, là hợp với ví dụ ở trước, trong ví dụ về nghĩa khác để đối giải thích, rõ ràng rất dễ hiểu, thứ hai là phủ dấu vết nhập vào huyễn diệt.

Do ở đây không thể xa lìa huyễn hóa, cho nên ta nói thân tâm huyễn cấu đối lìa huyễn cấu. Gọi là Bồ-tát, trên đây trước nói vì sao có dấu vết như vậy, dấu vết kia cũng khởi theo, cũng phủ gốc đi, vì chúng sinh vọng chấp huyễn hóa. Phật nói là huyễn cấu, chúng sinh nương giáo pháp lìa như bản, lại gọi là Bồ-tát, dưới đây chính là phủ dấu vết ấy rằng:

Cấu hết: Huyền cấu như màu sắc trong hạt châu, hiểu nó vốn là không cho nên nói là hết.

Đối trừ: Cấu bị lìa đã không, trí đối lìa làm sao mà lập? Tức là không có vô cấu mà nói tên ấy, chữ giả là chung cho cả hai câu. Nghĩa là người đối cấu là Bồ-tát. Nói danh là Phật. Đã không có trí đối trị thì làm sao có người khởi trí, chấp sâu cạn vốn không, làm sao có người nói giáo? Cho nên đều là vô. Phật đối cơ cũng không thật có mới thấy pháp thân, pháp thân nói kinh là nghĩa ở đây. Nhưng người pháp ở trên đầu có ba, ba cặp sáu câu cùng tận là dấu vết của chỗ phủ qua. Nghĩa là pháp có chấp cấu, lìa cấu và danh số. Người có chúng sinh, Bồ-tát và Phật.

Hỏi: Người tự có khác nhau, pháp vốn không khác, sao nói ba tên?

Đáp: Khắc thể tuy không nhưng nghĩa nói thì có, vì đối người pháp mỗi thứ đều có chia năng sở.

Kế là làm sáng tỏ pháp giới, văn có hai:

- Trước là pháp giới nhất chân.
- Sau pháp giới ba lớp.

Nói nhất chân là chưa nói lý sự, chẳng nói có không, chỉ thẳng bản giác linh nguyên, dưới đây đối các pháp mất trọn, thấu trọn. Mới nói ba lớp khác nhau, ở đây là phần đầu.

Này người thiện nam! Bồ-tát và các chúng sinh đời mạt pháp này là nêu lên và chỉ ra sở chứng của đương căn, vì muốn nói về cảnh giới không thể suy nghĩ bàn luận, cảnh giới đặc biệt ở trước, lại y theo công dụng ở trước để nói được nhập, vì thế phát khởi ra thế văn ở sau:

*Chứng được các huyền,  
Quán hạnh thành tựu,  
Diệt mất ảnh tượng,  
Y tha cũng mất.*

Lúc bấy giờ, liền được vô phương thanh tịnh, y theo thân là chính ngoài thấy đồ vật, tướng ngã đã không, thì còn có phương sở gì?

Vô biên hư không do giác hiển phát, nhưng hư không là thức cũng chẳng thật có. Cho nên kinh Thủ-lăng-nghiêm chép: Nếu có một người phát chân về nguồn thì hư không mười phương đều tiêu mất cùng lúc, nghĩa là bị mê tình che lấp, chỗ giác thấy không, trần ảnh đã tiêu, “không” vốn là giác, hiển nghĩa là không tiêu thì giác hiện, phát nghĩa là vọng hết tâm mở, quán xét kỹ lưỡng đều không có bờ mé. Kinh Thủ-lăng-nghiêm lại chép: Nghe lại thì chỗ che lấp hết, trần tiêu thì giác tròn tịnh, tịnh cùng tột thì ánh sáng thông suốt, vắng lặng soi chiếu bao trùm hư không, lại quán thế gian, giống như việc trong giấc mộng, cho nên biết không hữu đều mất cả hai, chỉ là tâm giác, siêng soi sáng rõ ràng, linh tri bất muội. Sau là pháp giới ba lớp:

1. Quán Chân không tuyệt tướng.
2. Quán Lý sự vô ngại.
3. Quán Châu biến hàm dung.

Ý nghĩa trong đây hoàn toàn đồng với hành tướng ba lớp của môn quán pháp giới trong Hoa nghiêm, vì thế nương vào khoa kia, ở đây thứ nhất là quán chân không: Trong môn quán kia có bốn câu, đó là:

Quán Hội sắc quy không  
Quán Minh không tức sắc.

Hai câu trên đều phân biệt với quán tình hiển giải ba không sắc vô ngại, hiểu thì cuối cùng thú hưởng hành trì, bốn là quán Dẫn tuyệt vô ký, hành khởi thì hiểu dứt. Ở đây văn kinh có hai:

1. Sắc tướng không tịnh.

## 2. Không sắc đồng như vậy.

Ở đây, trước hết văn kinh đều nói thanh tịnh: nghĩa là do môn quán hai không ở trước phân biệt với tình hiển giải.

Kế là phải dấu vết mất hình bóng, đồng với hạnh khởi giải bất, cho nên đều thanh tịnh là chân không. Luận Trí Độ chép: Rốt ráo không tức là rốt ráo thanh tịnh. Thanh tịnh và không đều là nghĩa bất tướng, nếu y theo tâm thì như kinh Tịnh Danh, cho rằng vọng tưởng là cấu, không vọng tưởng là tịnh... nên nói thanh tịnh, trong văn có bảy, một là nội thân căn thức:

Giác tròn sáng: y theo trước để hiển bày nhân thanh tịnh, do phải mất... nên được tròn sáng.

Hiển bày tâm thanh tịnh, so với mê tâm giác, trong tâm chấp pháp, nay thấy pháp tánh, pháp tức đều không, cho nên nói thanh tịnh. Như người không biết thể của hạt châu, chỉ chấp xanh vàng, phải thấy ma-ni tức là sắc thanh tịnh, trong bảy đoạn đều đồng với ở đây. Nhưng xoay vẫn y theo trước để hiển rõ thanh tịnh, nghĩa như ở sau giải thích. Nay lại trừ bỏ danh thể của pháp số. Tâm là tướng chung nói về tâm ta, tức thể của Lại-da.

**Luận Thành Duy Thức chép:** Thức thứ tám có nhiều tên khác nhau, trong đó có bốn tên, chung cho tất cả vị, tâm chính là một. Khi mê do chấp tàng và năng sở tàng, cho nên gọi Lại-da. Nay quán trí thành tựu tánh giác tròn sáng, nên chỉ nói tâm, không gọi Lại-da. Tâm đã thanh tịnh đồng vô cấu thức, cho nên văn dưới đây đốn đồng với cảnh Phật.

Vì tâm thanh tịnh, là nhắc là văn trước, dưới đây đều y theo trước.

Thấy trần thanh tịnh, dưới đây nghe biết v.v... lệ theo đây đều nói là trần. Nghĩa là do tâm ta chấp đắm, thấy tất cả sắc tướng, do chấp tướng tức kiến... là trần, không chỉ nói sắc bên ngoài... gọi là trần, cũng không nói riêng căn thức gọi là trần... thể trở lại là tâm của ngã chấp, chỉ do y theo chỗ chấp tướng sinh lỗi mà đặt tên riêng. Lại cũng không lia ba thứ căn, cảnh, thức mà có thể riêng, như pháp của năm uẩn và ngã ở trong uẩn chẳng phải khác chẳng phải giống nhau.

Vì thấy thanh tịnh, chỉ nhắc lại chữ thấy không nói trần, đủ nói lên ngay nơi thấy là trần chẳng phải trần bên ngoài, nghe... cũng như vậy.

Nhãn căn Thanh tịnh, năm thứ còn lại cũng lệ theo đây. Sáu thứ đều gọi là căn là chỗ nương của thức, có công năng phát ra thức, năm thứ trước mỗi thứ đều từ tự chủng sinh tự hiện hành, bốn đại sở tạo tịnh

sắc làm thể. Ý căn tức là thức thứ bảy, do đây vin theo bên ngoài khởi ý thức.

Vì căn thanh tịnh, nên nhãn thức thanh tịnh, năm thứ còn lại ở dưới cũng lệ theo đây. Đều gọi là thức, tùy theo cảnh của sáu căn chủng loại khác nhau. Do đủ năm nghĩa nên đặt tên theo căn.

1. Thức nương vào căn, chẳng phải do cảnh sắc mà thức chắc chắn sinh nhau, như người mù không thấy...

2. Căn phát ra, thức do căn thay đổi khác nhau, nên thức cũng phải đổi. Khác như nhãn căn bị đau thấy màu xanh là vàng, chẳng phải sắc hoại mà là thức hoại.

3. Thức thuộc căn, do hạt giống của thức chạy theo căn mà được sinh, chẳng phải hạt giống của sắc, thức chủng tùy theo.

4. Thức giúp căn: vì căn hợp thức, chỗ thức lãnh thọ khiến cho căn bị tổn hại hay lợi ích, chẳng phải cảnh giới.

5. Thức như căn: Hai pháp căn, và thức đều có tình số, chẳng phải sắc pháp kia chắc chắn là hữu tình, căn năm nghĩa tốt đẹp cho nên nói nương căn, nếu theo luận Khởi Tín đều gọi ý thức. Sáu thứ này đều nương ý khởi là thức của ý, vì thế kia giải thích nhân duyên sinh diệt rằng: Cái gọi là chúng sinh nương tâm ý, ý thức chuyển, tâm thức là tự thể của Lại-da, ý thức là năm ý, vì trong hai nghĩa Lại-da có nghĩa bất giác, bất giác mà khởi, có thể thấy, có thể hiện, có thể nhận cảnh giới, khởi niệm nối nhau. Ý thức: tức là thức nối nhau này, nương các phàm phu chấp đắm càng sâu, chấp ngã, ngã sở, các thứ vọng chấp theo việc phan duyên. Phân biệt sáu trần gọi là ý thức, cũng gọi là thức phân ly, lại gọi là thức phân biệt sự.

Vì thức thanh tịnh, nên văn trần thanh tịnh, vì văn thanh tịnh. Nên nhĩ căn thanh tịnh, vì căn thanh tịnh, nên nhĩ thức thanh tịnh, vì thức thanh tịnh, giác trần thanh tịnh. Như thế cho đến mũi, lưỡi, thân, ý cũng giống như vậy, trên đã giải thích xong. Nhưng trong tám thức không nói thức thứ bảy: nghĩa sẽ thấy nghe... là trần. Vì thức thứ bảy hợp với thức thứ tám, gọi là như thấy trần. Cho nên Du-già chép: Thức Lại-da khởi chắc chắn hai thức tương ưng. Lại nữa, thức thứ bảy hợp với thức thứ sáu, gọi là các trần như thấy v.v... vì khi ý thức duyên cảnh ngoài, quyết phải ở trong nương mặt-na làm căn nhiệm ô mới sinh khởi được. Vì thế ở trên dẫn các luận chép: chính là nương thức nối tiếp này, cho đến gọi là ý thức. Luận và kinh này đã nêu không có mặt-na riêng, Lăng-già cũng như vậy, đều do thức thứ bảy chấp trong làm ngã hợp với chuyển tướng, chấp ngoài ngã sở hợp với sự thức, nên không nối trước dính sau,

thì hiển bày tâm sở theo đuổi sinh khởi, nghĩa không tiện.

- Sáu trần cảnh bên ngoài:

Này người thiện nam! Căn thanh tịnh nên sắc trần thanh tịnh, vì sắc thanh tịnh nên thanh trần thanh tịnh, hương, vị, xúc, pháp cũng giống như vậy. Sáu thứ đều gọi là trần làm nhớ tâm thức, là nói theo phàm phu cũng gọi là sáu cảnh, cho cả phàm Thánh đều có nói sắc..., là cái mà nhãn... chấp lấy, sắc có chung riêng, ở đây là riêng. Nghĩa là chỉ có nhãn chấp lấy tương thay đổi trở ngại hữu kiến hữu đối là hiển bày thô thiển nhất. Thanh... rất dễ hiểu, chỉ là cái mà ý chấp, cảnh pháp trần chung cho với tất cả. Ba là bốn đại trong ngoài.

Này người thiện nam! Sáu trần thanh tịnh, nên địa đại thanh tịnh, vì địa thanh tịnh nên thủy đại thanh tịnh, hỏa đại, phong đại, cũng giống như vậy. Tức là đối với căn trần không chấp lấy nghĩa của phát thức dẫn tâm, chấp lấy thể của bốn đại. Kinh Bảo Tích chép: Bốn đại mỗi đại có hai: nghĩa là trong và ngoài. Địa giới có hai: trong đó là trong tự thân, tha thân có cái cứng chắc, đó là tóc, lông... bên ngoài nói ngoài thân có cái cứng chắc: đó là đất, gỗ... Thủy giới có hai: Tánh ướt trong thân như nước bọt, mồ hôi... tánh ướt ngoài thân như mưa móc... Hoả giới có hai: trong thân thể nóng: tướng nóng có thể tiêu thức ăn... ngoài thân thể nóng: tướng nóng có công năng thành thực... Phong giới có hai: thể gió trong thân, như gió gọi nhanh chóng trụ bốn chi... thể gió ngoài thân... bốn là các pháp thế gian.

Này người thiện nam! Bốn đại thanh tịnh (nhắc lại trước) mười hai xứ, sáu căn, sáu trần là chỗ sinh thức, xứ là nghĩa môn sinh, cũng gọi là người, ý thức thường mê muội căn trần nhập vào nhau.

Mười tám giới: Trong sáu căn môn thì ba thứ căn, thức, trần mỗi thứ đều có phần giới, cũng là nghĩa nhân, nghĩa chủng tộc.

Trước là sáu hai, người hiểu thì dứt ở nghiệp nhân, đây là sáu ba. Quán sát đối trị ở ngã chấp, gồm cả năm uẩn, tức đủ ba khoa. Các tông Đại thừa, Tiểu thừa đều y theo đây để nói các nghĩa, trước nói nhận lầm thân tâm của bốn đại, và nói trong ngoài hợp thành... tức là nghĩa năm uẩn, cho nên ở đây lược bỏ.

Hai mươi lăm hữu thanh tịnh, bốn châu, bốn đường, bốn cõi thiên, bốn Không, Vô tướng, Tịnh Cư, Phạm Vương, sáu tầng trời cõi Dục là hai mươi lăm hữu, đây đều là hữu, mỗi thứ đều y cứ về thật báo, chẳng thuộc về chánh trí. Nhưng Phạm vương ở Sơ thiên, Vô tướng, Tịnh cư ở thiên thứ tư, trong giai vị bốn thiên nêu riêng trường hợp này Phạm vương hữu kiến, ngoại đạo Vô Tướng, Tịnh Cư chỉ có bậc Thánh, khác



với các tầng trời khác. Năm là các pháp xuất thế.

Vì kia Thanh tịnh là nghĩ nhắc lại các pháp thế gian ở trước.

Mười Lực: Nhưng Như lai duy nhất trí lực thật tướng các pháp, năng lực này có mười dụng nên nói là mười, gọi chung là lực: có khả năng xua đuổi kẻ thù, không thể khuất phục.

1. Biết chỗ chẳng phải chỗ: nghĩa là đều biết nhân duyên nghiệp báo của tất cả các pháp, thời hàng phục vô nhân, ác nhân, biết người nào có thể độ, không thể độ.

2. Biết ba thứ nghiệp như việc tốt quá khứ, hiện tại, vị lai... và ba báo thuận hiện... biết chỗ độ có chướng ngại hay không.

3. Biết các thiền giải thoát Tam-muội cấu tịnh và biết các quả nương đây mà chứng được.

4. Biết năm căn như tín căn... thượng, trung, hạ.

5. Biết các thứ ưa thích, khiến xả bỏ bất tịnh, tăng thêm tịnh.

6. Biết nhất thừa, ba thừa, năm thừa, tham, sân, si... các thứ tánh dục, biết tức thời, khác thời ai có thể độ, không thể độ...

7. Biết tất cả đường cho đến chỗ.

8. Biết chỗ ở đời trước.

9. Biết chết đây sinh kia, tức thiên nhãn trí, riêng ở đây từ sở y mà có tên gọi.

10. Biết mình được giải thoát không nghi ngờ, cũng biết chúng sinh hết hữu lậu được Niết-bàn. Nhưng Phật lực vô lượng, nhân duyên độ người nên chỉ nói mười mà phân biệt đủ việc ấy.

- *Bốn Vô sở úy:*

1. Biết tất cả pháp, nghĩa là Phật răn dạy rằng ta là bậc Nhất thiết chánh trí...

2. Hết các lậu và tập, ý nói ta hết pháp hữu lậu...

3. Nói tất cả các pháp chương đạo.

4. Nói ra đường khổ, Đức Phật răn dạy nói bốn pháp này, quyết định không sợ.

Bốn Vô ngại trí: trí duyên bốn cảnh không trở ngại.

1. Pháp: như nói đất, nước, gió, lửa...

2. Nghĩa: như cứng, ướt, nóng, động...

3. Từ: nghĩa là được kia mới bàn về để nói đất...

4. Đối với ba thứ trí ưa thích nói, trên nương luận Trí Độ, nếu y theo kinh Hoa nghiêm thì hai thứ đầu khác với ở đây.

1. Nói biết tự tướng.

2. Biết tướng riêng.

- Lại nữa:

1. Biết tự tánh.
2. Biết sinh diệt.

- Lại nữa:

1. Pháp trí.
2. Tỷ trí.

- Lại nữa:

1. Biết một tướng.
2. Biết uẩn giới...

- Lại nữa:

1. Biết tánh nhất thừa bình đẳng.

2. Biết tánh các thừa khác nhau, hai thứ sau thì giống nhau, nghĩa là “từ” thì nói pháp nghĩa, lạc thuyết là nghĩa khác trong từ.

Mười tám pháp Bất cộng của Phật như lực v.v... hai thừa có phần, ở đây không có phần. Một, hai, ba như thứ lớp phối hợp thân, miệng, niệm không lỗi. Bốn là vô dị tướng, năm là không tâm bất định, sáu là vô bất tri dĩ xả, bảy là dục, tám là tinh tấn, chín là niệm, mười là tuệ, mười một là giải thoát, mười hai là giải thoát tri kiến. Sáu thứ trên đều nói không giảm, mười ba, mười bốn, mười lăm tất cả thân, miệng, ý nghiệp thực hành theo trí tuệ, mười sáu, mười bảy, mười tám, nhờ trí tuệ mà biết quá khứ, vị lai, hiện tại thông suốt không ngại. Hỏi vô kiến đánh tướng... cũng không cùng chung, vì sao không nói? Đáp: Trong mười tám thứ này chỉ nói công đức trí tuệ, không nói pháp quả báo tự nhiên. Trên từ lực... đến đây bốn khoa hoàn toàn y theo luận Trí Độ.

Ba mươi bảy phẩm Trợ đạo: trợ là giúp đỡ, giúp đỡ chính đạo, đạo tức là nhân, đó là chỉ quán. Phẩm tức là loại, chính nhân loại, cũng nói Bồ-đề phần, phần cũng nhân với nghĩa. Ba mươi bảy pháp là: bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Bồ-đề phần, tám Chánh đạo phần. Nhưng chỉ lấy mười pháp làm thể, nói tinh tấn, định tuệ, mỗi thứ có tám, niệm bốn, giới ba, tín hai, khinh an, hỷ, xả, tứ duy mỗi thứ có một.

*Trước là bốn niệm:*

1. Quán thân năm thứ bất định, là trụ xứ hạt giống tự tướng tự tánh rất ráo.
2. Quán ba thọ đều khổ, nghĩa là khổ thọ, lạc thọ, xả thọ.
3. Quán tâm từng niệm từng niệm vô thường.
4. Quán các pháp vô ngã, ở đây đối trị bốn điên đảo của phàm phu. Lại, quán thân rất ráo là không, quán thọ trong ngoài không, quán

tâm không thật có, quán pháp chỉ có tên gọi, đây là đối trị bốn điên đảo của Nhị thừa.

*Bốn chánh cần, bốn niệm xứ hỏa.* Nếu có gió mạnh thì gió không chỗ nào không đốt, cho nên kể là phân biệt rõ. Tinh tấn làm thế nên gọi chung là cần, khác với cần của ngoại đạo nên gọi là chánh, tuy là nhất cần, nhưng tùy theo nghĩa chia làm bốn.

1. Điều ác chưa sinh không để cho sinh.
2. Điều ác đã sinh rồi dứt bỏ không để tiếp tục.
3. Điều thiện chưa sinh làm cho phát sinh.
4. Điều thiện đã sinh rồi làm cho rộng lớn.

*Bốn thần túc:*

Dục cần tâm quán, Dục là ưa muốn, Cần là không xen hở, Tâm là định. Chuyên một cảnh tánh, Quán là tuệ, bên trong tự lựa chọn, vì cần vượt qua tán loạn mà lửa trí yếu ớt nên phải định chế, vì sở dục tự tại. Thần túc là thần thông, túc tức là định, do pháp xuất thế tự tại thù thắng nhất, bốn định như dục... có thể chứng đây, gọi là thần túc, cũng gọi như ý túc, đều ham muốn như tâm.

*Năm căn:* tín, tấn, niệm, định, tuệ, năm căn này đều sinh ra pháp xuất thế gian, do ba khoa trước ở đây không thể loại bỏ, ba thứ trước đến đây được gọi chung là căn.

*Năm lực:* tức là năm căn trước thêm lớn, ma phạm... không thể khuất phục, lại có thể bị tổn giảm không tin... là chướng ngại, nên gọi là lực.

*Bảy Giác chi:* là chỗ nương của niệm, do buộc niệm, nên khiến cho các pháp lành đều không quên mất. Trạch pháp là chi tự thể, hiểu rõ tự tướng. Tinh tấn là chi xuất ly, do thế lực này mà năng đáo sở đáo. Hỷ là chi lợi ích, nhờ tâm mạnh mẽ vui vẻ, thân thể điều hòa. Khinh an định xả đều là chi bất nhiễm ô, có thể dứt bỏ thô xấu, nương định chuyển y. Hành xả bình đẳng xả bỏ hẳn tham ái, vì thế bảy việc đều gọi là giác chi. Tuy trong một sát-na bảy pháp đều khởi, tùy theo hình tướng mỗi chi mà nói về công năng.

*Tám Chánh đạo:* là chánh kiến là chi phân biệt, nương vào chỗ chứng chân thật ở trước mà lựa chọn, bảy chi còn lại mỗi chi cũng gọi là chánh. Tư duy là chi dạy bảo người khác như chỗ chứng kia phương tiện lập ra, danh nghĩa suy nghĩ phát ra lời nói. Ba điều dưới đây là chi khiến cho người khác tin. Ngữ là khéo nương vào chỗ chứng hỏi đáp lựa chọn, giúp cho người tin có cái thấy thanh tịnh. Nghiệp là thân nghiệp, chánh hạnh mọi oai nghi đều đầy đủ, khiến người khác tin có giữ giới thanh

tịnh. Mạng là khát cầu đúng pháp, y theo Thánh chủng mà an trụ, xa lìa năm tà mạng. Tinh tấn là chi thanh tịnh phiền não chướng, do đây xa lìa hẳn tất cả ràng buộc. Niệm là chi thanh tịnh tùy phiền não chướng, do không quên mất, chính chỉ nêu tưởng, không bao giờ để cho hôn trầm, trạo cử... Định là chi làm cho thanh tịnh, công đức cao quý nhất, do đây dẫn phát thần thông... vô lượng công đức cao quý, bày thứ trên theo thứ lớp, nghĩa là nghe pháp rồi trước phải ghi nhớ giữ gìn, kể là siêng năng tu tập, siêng năng thâm nhiếp tâm, điều hòa nhẹ nhàng, nhẹ nhàng nên tin... thành căn, căn thêm lớn là lực, phân biệt bảy giác, chánh hạnh tám điều chân chính, nói chung dùng ví dụ hiển rõ. Pháp tánh như đất, niệm xứ như hạt giống, chánh căn là trồng trọt, thần túc như đâm chồi, năm căn như bắt rễ, năm lực như nhánh lá lớn dần, nở hoa bảy giác, kết quả tám Chánh đạo.

Thanh tịnh là gọi chung lực... đều thanh tịnh.

Như thế cho đến: Vượt hơn nhiều pháp. Nghĩa là ba thân, bốn trí, năm nhãn, sáu thần thông địa, độ, quả, hương, duyên, đế xứ định...

Tám mươi bốn ngàn: nhưng pháp môn nói rộng vô lượng, vô biên, nay đều ở đây kết số, đối trị trần lao, trần lao đã có tám mươi bốn ngàn, mỗi pháp đối phiền tức đều là thanh tịnh pháp, nhiếp và tịnh số không thêm bớt, luận nói bất giác niệm khởi thấy các cảnh giới, cho nên nói vô minh cho đến có nghĩa nhiều hơn số cát sông hằng... vọng niệm, đối nghĩa này nên tâm tánh không lay động, tức là hơn số cát sông hằng... các công đức thanh tịnh tương nghĩa thị hiện.

Đà-la-ni: được Tổng trì, Bồ-tát đối với mỗi mỗi pháp giữ gìn tất cả pháp.

Môn: từ mỗi mỗi pháp, nhập vào tất cả pháp.

Tất cả thanh tịnh là tổng kết.

Hỏi: Hai tướng Pháp thế gian, và xuất thế gian có khác nhau như thế vì sao kinh này đều nói thanh tịnh?

Đáp: Trước đã nói, ở đây giải thích lại, nghĩa là nếu đối trị phạm Thánh, tức là cao quý hay thấp kém hoàn toàn khác nhau, nếu xứng pháp giới mà quán một loại, thì đều là huyễn hóa, đều từ duyên khởi không có tự thể, như có một cái gương hiện các thứ quý báu cao siêu màu nhiệm, trẻ con ngu si không hiểu sang hèn khác nhau, người trí thông suốt không chút khác nhau. Quán trí tròn sáng tâm thức thanh tịnh, cũng giống như vậy, thấy thế gian và xuất thế gian hoặc Thánh hoặc phàm, tất cả đều không. Không là thể giác, nên văn sau nói: thấy thế giới Phật như hoa đốm trong hư không. Sinh tử, Niết-bàn giống như

giác mộng, chỉ duyên xứng lý bình đẳng, vì thế gọi là bậc Thánh nếu kia trọng Thánh khinh phàm ưa chân chán vọng, dù cho tu tập, cũng đâu chứng được chân nguyên? Nhưng trên từ hiểu rõ tròn sáng nên lần lượt y theo lý do ở trước để hiển bày rõ các pháp thanh tịnh thế gian và xuất thế gian, cho đến năm đoạn này rõ ràng các pháp đầy đủ.

Ngoài hai đoạn sáu, và bảy, chỉ là kết chung thân khác, cõi khác, không có nghĩa nào khác.

Do năm đoạn ấy: là tâm vốn thanh tịnh, vì bất giác nên gọi là thức Lại-da, tương ứng với ý lại nói kiến trần, khởi ra hiện hành có căn thức cảnh. Trung hữu năng tạo cho nên nói bốn đại. Vì đó đầy đủ các pháp hữu lậu xứ, giới, các hữu, đối trị những điều này có tu có chứng, lại thành quả đức nhân hạnh vô lậu, nay đã hiểu rõ vô minh. Tâm, ý, thức và chỗ thay đổi (sở biến)... lần lượt được thanh tịnh. Da không còn, lông không chỗ nương gá, nhưng pháp vô lậu nếu y theo người tu chứng, thì nhân trước quả sau. Nay y theo pháp bốn mạng, nên quả trước nhân sau. Cũng như trong luận căn bốn diệt nên thô nhiễm diệt theo, sáu tự tha chánh báo: Nay người thiện nam! Tất cả thật tướng, nhưng hề cái gì có tướng đều là luống dối, từ nhân duyên sinh. Hội duyên vào thật tức là thật tướng, nên luận Trí Độ chép: soi thấy sắc... là không tức gọi là thật tướng. Thật lý tánh không xa lìa điên đảo, chẳng luống dối nên đối với không thấy không cũng gọi điên đảo, đối với không mà không mê đắm mới là thật pháp. Thật tướng này tức là phi tướng, cho nên Như lai gọi là thật tướng, không đời không đổi, rốt ráo thường còn. Kinh Vô Lượng Nghĩa chép: Vô tướng như vậy là bất tướng, bất tướng là vô tướng, đó gọi là thật tướng.

Vì Tánh thanh tịnh, thật tướng này từ xưa đến nay tự tánh thanh tịnh, tất cả pháp vọng không thể làm nhiễm, so với mê dưỡng như nhiễm, nay ngộ vốn thanh tịnh gọi là thanh tịnh.

Một thân thanh tịnh, do trước ngộ được các pháp căn, thức, trần, đại, thế gian, xuất thế gian đều trở về thật tướng thanh tịnh, mới thành tựu người này. Một thân thanh tịnh nên các đoạn thanh tịnh, đều nhắc lại văn trước, nhưng ở đây chỉ riêng thật tướng, để làm lý do thanh tịnh.

Vì một thân thanh tịnh, nhiều thân thanh tịnh, đã đối với tự thân chứng lý thật tướng, cũng thấy tất cả chúng sinh đồng một thật tướng thanh tịnh, để quán tất cả chúng sinh không chấp tướng, đồng tròn đầy tánh giác. Ngài Chí Công nói: Do thân ta là không nên các pháp đều không, ngàn muôn phẩm loại thấy đều giống nhau. Lại, văn sau nói: viên giác soi khắp vắng lặng không hai, mới biết chúng sinh xưa nay

thành Phật.

Vì nhiều thân thanh tịnh, như thế cho đến chúng sinh mười phương thanh tịnh viên giác. Dùng chánh trí Bát-nhã để quán khắp chúng sinh, Bồ-đề Niết-bàn trí tánh vô lậu xưa nay đầy đủ, đây là một người ngộ tánh, biết tất cả chúng sinh bản tánh thanh tịnh, chẳng phải nói một người tu đạo nhiều người thành Phật.

*Kế là một nhiều y báo.*

Này người thiện nam! Một thế giới thanh tịnh thì nhiều thế giới thanh tịnh vì nhiều thế giới như thế cho đến tận hư không ba đời, trong lý tròn đầy cõi nước tịnh uế đều do tự tâm, chúng sinh kiếp thiêu cõi ta an ổn, hai tướng xấu xí và xinh đẹp không giống nhau, ấn ngón chân xuống đất thì mặt đất trang nghiêm quý báu như ngòi trên hoa sen không khác. Hướng chi tâm thâm hợp tánh giác, thức trí không sinh, thân cõi nương chân, nhiễm tịnh đều mất, thông suốt pháp giới, thanh tịnh vắng lặng. Viên là tròn khắp hư không, lý: nghĩa là bao trùm ba đời, dọc suốt cùng cực, hư không là ngang khắp.

Tất cả: ngang dọc bao gồm, bình đẳng: bốn mặt vị đồng, thanh tịnh: đều kết bảy đoạn, bất động: thâm hợp nhất như. Nhưng bảy đoạn trên khi ngộ đã thanh tịnh lẫn nhau, khi mê thì cấu nhiễm lẫn nhau. Nên nói: Vì giác không sáng tỏ nên khiến tâm không thanh tịnh, tâm không thanh tịnh nên thấy trần bất tịnh vì thấy trần bất tịnh nên nhãn căn bất tịnh, như thế cho đến một, nhiều thế giới bất tịnh, thế văn và ý nghĩa đối lại với kinh rất dễ hiểu.

Thứ đến không sắc đồng như bảy đoạn trước, tức là không sắc vô ngại, ở đây sẽ bật dứt không nương gá. Quán kia nói: động niệm liền trái với pháp thể, lại hiển rõ pháp thể vốn không lay động.

Này người thiện nam! Hư không bình đẳng bất động như thế, nhiếp trước khởi sau. Do trước nói tận cùng hư không bình đẳng thanh tịnh, liền biết tướng đều đồng với hư không.

Hư không đã vốn vô sinh diệt, lay động, nên biết các pháp cũng vốn không sinh, cũng không đợi diệt, nhất nhất đương thể như như bất động.

Nên biết tánh giác bình đẳng không động, nhưng tất cả pháp chỉ nương tánh giác mà sinh diệt chuyển động. Các pháp đã tận cùng hư không đều không lay động, cho nên tánh giác bất động. Như sóng không vỗ thì nước vắng lặng bất động, lý đều nên nói bình đẳng. Cho nên kinh Pháp Hoa nói là “Pháp ấy trụ ngôi pháp, tướng thế gian thường trú.” Kinh Pháp Cú chép: các pháp từ xưa đến nay không phải cũng không

trái, tướng phải trái vắng lặng, xưa nay không lay động. Nhưng các pháp bình đẳng với tánh giác, chưa gọi là lý sự vô ngại pháp giới, nói rằng lý sự vô ngại thì cần phải nhiều việc hoàn toàn đồng một lý mà vắng lặng. Một lý hoàn toàn thành tựu nhiều việc mà thay đổi, ngay nơi động là tĩnh, ngay nơi tĩnh là động, sinh diệt rộng hẹp tất cả đều như vậy. Biến đổi vô ngại, nay chỉ một bề bất động, chỉ là thâm nhiếp sắc... sự đồng chân không, cho nên chỉ gọi là quán chân không.

Bốn đại bất động, nên biết tánh giác bình đẳng bất động. Như vậy cho đến tám mươi bốn ngàn Đà-la-ni môn bình đẳng bất động. Nên biết tánh giác bình đẳng bất động, lại như bảy đoạn trước trải qua các pháp môn, kinh sợ văn rườm rà nên lược nêu đầu và cuối, nghĩa bao gồm chặng giữa nên nói cho đến, đoạn sau nói cho đến cũng lệ theo ở đây mà biết.

*Thứ hai lý sự vô ngại pháp giới.*

Này người thiện nam! Tánh giác trùm khắp thanh tịnh bất động, tròn đầy không bờ mé, nên biết sáu căn trùm khắp pháp giới, vì căn trùm khắp nên biết sáu trần trùm khắp pháp giới vì trần trùm khắp nên biết bốn đại trùm khắp pháp giới, như thế cho đến Đà-la-ni môn trùm khắp pháp giới. Y theo pháp giới quán ở đây có mười môn.

1. Lý trùm khắp sự.
2. Sự trùm khắp lý.
3. Nương lý thành sự.
4. Sự hiển bày lý.
5. Dùng lý đoạt sự.
6. Sự ẩn che lý.
7. Chân lý tức sự.
8. Sự pháp tức lý.
9. Chân lý chẳng phải sự.
10. Sự pháp chẳng phải lý.

Nay nói đây khắp pháp giới: chính là hành tướng của môn thứ hai, bao gồm nghĩa lý môn khác. Nghĩa là ở đây các pháp tức lý không khác với lý, mỗi pháp tự cùng khắp pháp giới, không đồng môn trước, không có thể để xếp vào trong lý, nên đây gọi là lý sự vô ngại. Đã trùm khắp pháp giới, liền biết động tĩnh vô ngại mỗi pháp cùng khắp. Nói tánh giác tròn đầy không bờ mé cho nên biết sáu căn trùm khắp, do môn trước đã hiển rõ sáu căn... bình đẳng với tánh giác, bình đẳng: tức là không khác nhau mảy may, tức không khác với tánh giác, tánh giác tròn đầy không ngăn mé, nên biết sáu căn cũng tròn đầy không ngăn mé, vì



thế đầy khắp pháp giới, nếu nói không trùm khắp tức là có ngăn mé, có ngăn mé tức khác với tánh giác, khác nhau thì trái với môn trước, nên ở trước nói: tròn đầy không ngăn mé. Vì thế kinh Thủ-lăng-nghiêm chép: Tánh thấy là giác sáng, giác tinh là cái thấy sáng, thanh tịnh bốn nhiên trùm khắp pháp giới, sáu trần về sau đều lệ theo trước.

Thứ ba Châu biến hàm dung quán, tức sự sự vô ngại. Nghĩa là hề nêu bất một trần nào cũng bao trùm khắp tất cả pháp. Lại bao trùm tất cả pháp trong tự trần, một trần đã như vậy, tất cả pháp đều như vậy, cho nên nói trùm khắp bao gồm.

Này người thiện nam! do tánh diệu giác kia trùm khắp, là nêu tánh sở y, làm lý do của sự sự trùm khắp vô ngại. Căn tánh trần tánh: đây là mỗi mỗi chỉ cho tự tánh căn trần, chẳng phải nói mất căn nhiếp trần trở về một tánh.

Không hư hoại không xen lẫn vì căn trần không hoại. Như thế cho đến đa la ni môn, nghĩa là căn và trần đều là sự pháp, lệ như bảy đoạn trước, sự sự đều như vậy, nên nói cho đến... vô hoại vô tạp: y theo ví dụ giải thích.

Như trăm ngàn ngọn đèn chiếu sáng một căn phòng, ánh sáng đèn kia trùm khắp không hoại, không xen lẫn. Như một ngọn đèn ánh sáng đã khắp một căn phòng, lại có một ngọn đèn, ánh sáng cũng hoàn toàn trùm khắp. Trăm ngàn ngọn đèn mỗi ngọn cũng như vậy, mỗi ngọn không làm ngại nhau, cũng không lẫn lộn nhau, hư không trong phòng ví dụ cho pháp giới, ánh sáng của đèn ví dụ cho căn trần, nghĩa là ánh sáng của một ngọn đèn chứa nhiều ánh sáng. Tức là một ánh sáng trùm khắp trong nhiều ánh sáng, mỗi pháp đều như vậy, lớp lớp vô tận, bảy đoạn trước là sự pháp mỗi mỗi nêu ra so sánh với đây rất dễ thấy, đó là nghĩa bao trùm cùng khắp nghĩa là như thế. Sở dĩ như vậy, chỉ là chân tâm sở hiện, đều như ảnh tượng huyễn mộng, chẳng phải một với tánh sở y, chẳng phải khác, cho nên được gom nhiều vào một, một dung chứa nhiều... Thứ ba đoạn văn đốn đồng cảnh Phật trong đó có ba:

1. Dụng tâm đồng.
2. Thấy cảnh đồng.
3. Xứng thật đồng, trong phần đầu có hai:

a) *Pháp*: Này người thiện nam! Giác thành tự, chỉ chung cho pháp giới tròn đầy hiển bày, văn trở xuống, do đây nên được đồng với cảnh giới Phật. Nên biết Bồ-tát không bị pháp trói buộc, không cầu pháp giải thoát, không nhàm chán sinh tử, không ưa thích Niết-bàn, không cung kính giữ giới, không coi trọng tu tập lâu, không khinh người mới học. Vì

sao? Vì tất cả là giác. Với bốn cặp pháp đối không có tâm hơn kém, như Phật đối với cảnh ba niệm, cho nên nói là đồng. Lý do của đồng kinh tự nêu lên giải thích rằng: do tất cả giác, nên luận chép: Cái gọi là nghĩa giác: chính là tâm thể lìa niệm, ở đây thì lìa tám niệm ở trước chán, yêu, kính, ghét, trọng, khinh... Nêu tám cảnh ấy để hiển rõ tâm, ví dụ rằng ánh sáng không ghét yêu, sau nói tu tập tâm này. Thứ hai là ví dụ.

Thí như mắt sáng thấy rõ cảnh trước, ánh sáng kia tròn đầy không có ghét yêu. Vì sao? Thể ánh sáng không hai, vì không ghét yêu. Ánh sáng tức nhãn thức hiện lượng sở đắc nên không ghét yêu. Kinh Thủ-lăng-nghiêm chép: Mắt kia nhìn khắp, chỉ như trong gương không phân tách riêng. Ở trong thức ông tự nêu lên, nói mắt kia là ý chấp lấy nhãn thức, nói thức ông: tức là ý thức cũng có thể tùy theo tình kiến của phàm tục cho trông mắt là ánh sáng. Như kinh Pháp Hoa chép: Phạm Vương là cha của chúng sinh.

b) *Thấy cảnh đồng*: Đây người thiện nam! Bồ-tát này và chúng sinh đời mạt pháp, tu tập tâm này được thành tựu là gồm kết tám cảnh an tâm, xa kết quán hạnh thành tựu, ở đây không tu, cũng không thành tựu, dứt dấu vết tâm ở trước, khởi y chánh ở sau. Văn Phạm Thánh bình đẳng, nếu không dứt thì tuy không ghét kính, còn thấy giữ giới, phá giới,... nên phải dứt bỏ, mới đồng cái thấy của Phật, dưới đây là hiển rõ cái thấy đồng ấy.

Viên giác chiếu khắp, vắng lặng không hai, do tự tâm đã không nên chỉ là giác chiếu, đâu có phàm Thánh khác nhau? Thâm hợp với vô tâm nhất như, tức thường vắng lặng của muôn vật, chiếu khắp là dụng, vắng lặng là thể, chỗ cùng tốt của Phật đến tận cùng nơi vắng lặng soi chiếu, vì thế kinh Anh Lạc chép: Đẳng giác soi chiếu vắng lặng, Diệu giác vắng lặng soi chiếu. Ở đây nói đồng với Phật, nghĩa là Đẳng giác, cho nên nói vắng lặng chiếu khắp. Kinh Kim Quang Minh, luận nhiếp Đại thừa đều nói quả Phật không khác công đức sắc thanh. Chỉ như như và trí như như riêng còn. Ba thứ thế gian dung nhiếp không ngăn ngại. Thế giới tức khí thế gian, chúng sinh tức hữu tình thế gian, thành Phật tức trí chánh giác thế gian. Trong đó: tức trong vắng lặng soi chiếu, tròn đầy không ngần mé. Trăm ngàn muôn ức là số ở Trung Quốc. A-tăng-kỳ: Hán dịch là vô số, chính là số đầu tiên trong mười số lớn của Hoa nghiêm, kinh luận phần nhiều dùng nên nêu ra. Mười là nói A-tăng-kỳ: vô lượng, vô biên, vô đẳng, bất khả số, bất khả xưng, bất khả tư, bất khả lượng, bất khả thuyết, bất khả thuyết, bất khả thuyết.

Không thể nói: là số lớn thứ chín, hàng hà sa, nghĩa là tất cả cát

trong sông Hằng. Sông này từ phía Đông ao a-nậu lưu xuất ra, ban đầu xuất ra miệng voi chu vi bốn mươi dặm, cát vàng trôi vẫn lộn, cát mịn như bột rang, vì mịn nên số nhiều.

Các thế giới Phật: tăng-kỳ nói ở trên... là số tính ở thế giới này, nghĩa là có trăm ngàn muôn ức tăng-kỳ... số con sông trong mỗi sông một hạt cát là một cõi, để nói thế giới nhiều như thế. Nhưng ý trong đây thẳng đến cùng tốt hư không trùm khắp pháp giới tất cả thế giới, không phải là tính toán số lượng kia, vì muốn dẫn căn cơ tạo ra vô biên cảnh, giả định chứa nhóm thêm số nhiều như vậy. Nhưng các cõi tịnh uế... thì cõi Phật gồm nhiếp, cho nên nói cõi Phật giống như hoa đốm, duyên không tự tánh, toàn thể tức chân, chân tánh đoạt lấy chẳng sót, nên được tướng đều hư huyền, như trong môn lý đoạt sự ở trước nói, cũng như Thiện Tài cầu pháp, lần lượt chỗ Ma-da... hội duyên nhập thật, được môn nguyện trí huyền giải thoát, thấy tất cả thế giới đều như huyền trụ, loạn khởi loạn diệt, ở đây có ba ý:

1. Tất cả thế giới đều nương theo vọng niệm, niệm sát-na không dừng trụ thì thế giới cũng khởi diệt không dừng.

2. Kinh Hoa Nghiêm chép: chúng sinh trú nhiễm ô, thế giới thành nhiễm ô, chúng sinh phước lớn trụ nên thành nhiễm tịnh, Bồ-tát tín giải trụ nên thành tịnh nhiễm...

3. Tướng thành hoại, nhưng thành, trụ, hoại, không, mỗi tướng tuy có hai mươi lần tăng giảm, mà thế giới vô lượng vô số, quán chung khởi diệt lăng xăng.

Hỏi đáp về cõi Phật:

Hỏi: Nhưng cõi Phật giáo hóa cho phép như thế, trong tự thọ dụng khởi diệt như thế nào?

Đáp: Y theo thật giáo sẽ rõ, vô hình là tịnh độ.

Sinh công nói: chúng sinh hữu hình nương gá vào cõi nước để ở, Phật là pháp thân thường trú, cần gì cõi nước? Cho nên kinh Hoa nghiêm nói nương chân mà trụ, chẳng cần cõi nước.

Kinh này chép: vào trong đại quang minh tạng, các nghĩa còn lại đã nói rõ như trước.

Hỏi: Kinh Pháp hoa nói: Cõi ta đây an ổn, trời người thường đông vậy thì làm sao hiểu?

Đáp: Kia y theo môn lý tức sự, ở đây y theo môn lý đoạt sự, cả hai đều vô ngại. Bất tức bất ly: Nói về thế giới này không tức viên giác cũng không lìa viên giác, như hoa đốm và hư không, như vàng và vật trang sức, do không lìa cho nên tánh giác, đoạt thì thành hoa đốm trong

hư không, do bất tức, nên thế giới không ngại có khởi diệt. Không trói buộc không giải thoát: vẫn chung cả trên dưới, trên thì do thế giới vô tận uế, sau vì chúng sinh vốn thành Phật.

Mới biết chúng sinh xưa nay thành Phật, mới biết tức là mới giác, quán hạnh thành tựu mới biết được. Vốn thành tức bản giác. Biết và không biết vốn là Phật. Phật là rốt ráo giác, thỉ giác và bản giác chẳng phải hai giác.

Sinh tử, Niết-bàn giống như giấc mộng đêm qua: cũng không khác với thỉ giác, bốn tướng xưa nay đồng một giác, lại vắng lặng không hai, là tự giác, thế giới và chúng sinh là giác tha, hai chữ thành Phật và sinh tử Niết-bàn như mộng huyễn, là giác mãn, thành tựu nghĩa là tròn đầy. Động tĩnh cả hai đều mất mới tròn đầy. Nhưng nói chúng sinh vốn thành Phật, chỉ là Hoa nghiêm, viên giác còn lại các nghĩa khác bao gồm mà không chỉ ra hoặc chú thích, nhưng vì tiếng làm kinh giác, kẻ phạm lý vượt thường tình. Phật thì nói ít, người ngu thì bàn nhiều. Nay xét kỹ giáo lý lược nêu sáu môn:

1. Tiểu thừa hữu bộ, chỉ có Thái tử Tát-đạt một đời thành Phật, ngoài ra đều không có phần.

2. Đại thừa thỉ giáo: ba vô số kiếp hạnh vị đầy đủ mới được thành Phật.

3. Chung giáo: tướng hết tánh bày mới gọi là thành Chánh giác.

4. Hoa nghiêm nói: Địa vị thập tín tròn đầy mới phát tâm trụ tức thành chánh giác.

5. Đốn giáo: khi một niệm ngộ liền gọi là Phật.

6. Viên giác: xưa nay thành Phật, nên Hoa nghiêm chép: khi Như lai thành chánh giác, ở trong thân kia thấy khắp chúng sinh thành Chánh giác, cho đến thấy khắp tất cả chúng sinh nhập Niết-bàn, đều cùng một tánh, cái gọi là vô tánh.

Lại nói: Bồ-tát Ma-ha-tát nên biết tự tâm, niệm niệm thường có Phật thành chánh giác. Vì sao? Vì chư Phật Như lai không lìa tâm này mà thành Chánh giác. Như tự tâm tất cả chúng sinh tâm cũng giống như vậy, đều có Như lai thành chánh giác. Nay văn kinh, nếu y theo quán thành mới biết được nên phải hai môn bốn, năm, nếu y theo sở tri, thì chúng sinh xưa nay là Phật, thời chỉ thứ sáu. Ba xứng thật đồng, xứng pháp giới chân thật tánh.

Này người thiện nam! Như giấc mộng đêm qua: Do thấy sinh tử, Niết-bàn như mộng, tức xứng viên giác thật tánh đồng cảnh Phật. ở đây có hai ý:

1. Chỉ có mộng năng y thì phải có người sở y, mộng là thần thức của người dạo chơi, cũng là khí phần của thấy nghe, không có tự thể riêng.

2. Chỉ hiểu thể của mộng là không vô, liền chứng tự thân chân thật, vì quên Tự thân, do chấp đắm mộng nên cảnh đại mộng chắc chắn là có, đại giác thì tròn sáng nên biết ở dưới có bốn tiết. Ban đầu nói chung về xứng thật:

Nên biết sinh tử và Niết-bàn không khởi không diệt, khi mê thì sinh tử không khởi Niết-bàn không diệt. Khi ngộ chẳng diệt, sinh tử lại phát khởi Niết-bàn, xứng thể mà quán đều không khởi diệt.

Không đến không đi, pháp Thánh chẳng phải mới đến, phàm tâm chẳng phải diệt đi. Lại nói thẳng thể, không khởi diệt đến đi, không y theo phàm Thánh, hai là chỉ riêng năng sở:

Sở chứng không được không mất, không lấy không bỏ, cảnh sở chứng chẳng phải được chân mất vọng, bỏ thô lấy diệu.

Người năng chứng không làm không dừng, không mặc ý, không diệt mất, tâm năng chứng đều không phân biệt, lia bốn lệnh.

3. Mất cả năng sở:

Đối với chứng này không năng không sở, rốt ráo vô chứng, cũng không người chứng. Cho nên kinh Hoa Nghiêm chép: nếu thấy có chánh giác giải thoát, xa lìa các lậu, không mê đắm tất cả thế gian thì người ấy chẳng chứng đạo nhân.

4. Tổng kết xứng thật nói: tất cả pháp tánh bình đẳng không hư hoại, rất dễ hiểu bốn kết thúc nhắc lại câu hỏi.

Này người thiện nam! Các Bồ-tát kia tu hành như vậy, thứ lớp như vậy, suy nghĩ như vậy, trú trì như vậy, phương tiện như vậy, khai ngộ như vậy, câu pháp như vậy cũng không mê muội, rất dễ hiểu trong kệ chỉ có ba: lược bỏ phương tiện khởi hạnh thứ nhất, nên ban đầu phúng tụng quán hạnh thành tựu có hai, hai thứ còn lại như thứ lớp hoàn toàn đồng với văn xuôi.

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn nói lại nghĩa này, nên ngài nói kệ rằng:

*Phổ Nhân ông nên biết  
Tất cả các chúng sinh.  
Thân tâm đều như huyễn  
Thân tướng thuộc bốn đại.  
Tâm tánh về sáu trần  
Bốn đại thể đều là*

*Ai là người hòa hợp?  
Hai là nói không quán,  
Như thế dần tu hành,  
Tất cả đều thanh tịnh,  
Không động khắp pháp giới.*

Pháp giới quán cũng vẫn xuôi rộng, kệ lược. Không tác chỉ, nhậm diệt, cũng không người năng chứng, tất cả thế giới Phật, như hoa đốm trong không, ba đời đều bình đẳng, chẳng bao giờ đến đi, Bồ-tát mới phát tâm và chúng sinh đời mạt, muốn cầu vào Phật đạo, nên tu tập như vậy.

Thứ đến là nêu giải thích mê ngộ, thử chung, văn có bốn, ban đầu có ba ở đây là phần đầu.

Bấy giờ, Bồ-tát Kim cương Tạng ở trong đại chúng liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi, đánh lễ dưới chân Phật, nhiều bên phải ba vòng, quỳ thẳng chấp tay bạch Phật rằng: Rất dễ hiểu.

*- Hai là trình bày trong câu có ba.*

*1. Vui mừng sở ngộ kia:*

Đại bi Thế Tôn, khéo vì tất cả các chúng Bồ-tát, tuyên dương viên giác thanh tịnh đại Đà-la-ni nhân địa pháp hạnh của Như lai, đây là cội gốc của tất cả hạnh vị, sau phải theo trước cho nên chỉ lại.

Thứ lớp phương tiện mở mang tối tăm cho các chúng sinh, ở trong hội, pháp chúng vâng lời chỉ dạy của Phật, mắt che được sáng tỏ như mắt trí tuệ thanh tịnh rất dễ hiểu.

*2. Thưa hỏi thắc mắc:* Thế Tôn, nếu các chúng sinh xưa nay đã thành Phật, là xếp đoạn văn trước vào gốc nghi này. Vì sao lại có tất cả vô minh: nghi ngờ cho là chân có thể sinh vọng.

Nếu các vô minh chúng sinh vốn có thì vì sao? Như lai lại nói xưa nay thành Phật, nghi rằng nói vọng là chân.

Chúng sinh mười phương vốn thành Phật đạo, sau lại khởi vô minh thì tất cả Như lai lúc nào sinh tất cả phiền não trở lại? Là nhắc lại và nêu lên, trách lỗi vô cùng.

Đây là ba điều khó ở trên, ý nói xưa nay là Phật thì phiền não làm sao sinh? Nếu trong vô sinh mà vọng sinh khởi thì Như lai thành Phật đồng với vốn không sinh. Trong vô sinh lẽ ra lại nên khởi vọng, nghĩa thành Phật... sinh không nên bằng nhau, bằng với chúng sanh quả Phật đâu có tôn quý gì? Nếu bằng thì nhân trái với việc hiện tại, tiến lùi đều không thể, nên có lời ấy.

*3. Kết thúc thưa thỉnh giải thích chung.*

Cúi mong không bỏ lòng đại từ vô già, vì các Bồ-tát mở kho bí mật tạng. Y theo ba việc khó này các kinh sách không có. Chỉ Phật biết rõ, bước lên các địa mới nhận. Đây là thỉnh nói thành giáo, khắp chỉ bày phạm phu đời mạt pháp, nên nói vô già (không gì ngăn được), mở kho bí mật, chẳng phải pháp khí thì không truyền, mật nghĩa là che giấu tướng mà nói. Và vì tất cả chúng sinh đời mạt pháp: nếu bí tàng không mở: kho bí mật thì một pháp bao gồm nhiều. Nay xin không phân biệt đời mạt pháp thì mở kho bí mật, hiển rõ mà nói thì mở kho bí mật.

Được nghe kinh giáo, pháp môn liễu nghĩa như thế, do đây nêu ở đề kinh.

Dứt hẳn nghi ngờ, là nói chung về nghi, đối với các đế lý do dự làm tánh, làm chướng ngại tín tâm, thiện phẩm làm nghiệp. Riêng hiển bày thì năm cái. Trong nghi có ba:

1. Nghi mình: nghĩa là mình không thể nhập lý.

2. Nghi thầy: nghĩa là thầy không có khả năng khéo chỉ dạy.

3. Nghi pháp: nghĩa là với sở học vì khiến xa lìa, vì không xa lìa, như người bị bệnh tự nghi mình, nghi thầy, nghi thuốc, bệnh cuối cùng không lành, ở đây trong ba nghi tức là nghi pháp, nghi này lại có đã khởi, chưa khởi, ở đây đều bao gồm. Bồ-tát Kim cương Tạng vì người khác xin hỏi giúp dứt bỏ hẳn, nhưng phương tiện dứt nghi thì hoặc nghi cảnh giới khiến ngộ duy tâm, hoặc nghi pháp tánh khiến quán không được, ngoài ra đều lệ theo mà biết.

Hối: hối là pháp bất định, hối điều lành là ác, hối điều ác là lành, nay xin dứt hẳn, tức thuộc về ác. Nhưng người vào đạo nếu chưa thông thì quyết chúng sinh và Phật đồng khác, hoặc có khi dụng công nhiều lại tự nghi ngờ hối hận, sau đây xương ba lần như trước.

Nói lời ấy rồi, năm vốc gieo sát đất, ba lần thỉnh như vậy, đến cuối lại trở lại đầu. Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Kim cương Tạng rằng: Lành thay, lành thay! Nay người thiện nam! Các ông mới có thể vì các Bồ-tát và chúng sinh đời mạt pháp hỏi Như lai phương tiện rốt ráo bí mật sâu xa. Bí mật có hai:

1. Mật tạng của Như lai, nghĩa là tri kiến của Nhất thừa Như lai. Phật đối với pháp môn tiêm giáo lặng lẽ đã lâu im lặng chỗ quan trọng này, nên nói phương tiện rốt ráo. Sau đây là trả lời Diệu giác viên chiếu, lìa hoa đốm bị màng che lấp...

2. Như lai tức bí mật, do chứng mật tạng, năng sở không hai.

3. Nghiệp nghiệp đầy đủ, đều là bí mật. Thân mật nghĩa là chẳng phải sắc hiện sắc, như ma-ni... Nói mật ở trong một lời nói mà giảng



bày biến pháp vô biên, như tiếng vang trong hang trống... ý mật vô tâm thành việc... trong hai nghĩa thì kinh hiển rõ sở chứng.

Các Bồ-tát này chỉ dạy Đại thừa liễu nghĩa trên hết, có thể khiến Bồ-tát tu học trong mười phương, và tất cả chúng sinh đời mạt pháp được quyết định tin thì lập tức đồng với cảnh Phật, nghĩa là phải tín căn thành tựu mới phát tâm trụ. Nay chỉ chung cho quyết nghị thì khó để thành nghĩa trước.

Dứt hẳn nghi hối, nay ông lắng nghe, sẽ nói cho ông: lúc bấy giờ, Bồ-tát Kim cương Tạng vâng lời chỉ dạy vui mừng và các đại chúng im lặng mà nghe. Thứ tư là nói văn xuôi, có bốn:

1. Cội gốc của nhiều lần khởi nghi.
2. Ví dụ giải thích nghi ngờ hiện khởi.
3. Hiển bày cạn cợt khó tạo sâu sắc.
4. Kết thúc lời hỏi không hợp lý.
  - Trong phần đầu lại có ba:
    1. Chỉ chung luân hồi.
    2. Chân theo vọng chuyển.
    3. Kết thúc chỉ ra nghi ngờ trước. Ở đây là phần đầu.

Này người thiện nam! Tất cả thế giới: là chỉ chung hữu tình thế gian và khí thế gian, luận Kim cương của Vô Trước nói dùng bốn uẩn làm thế giới, nếu không y theo tình sao thì đâu luân hồi? Thứ hai: sáu đối sau đây làm rõ luân hồi kia, nghĩa là chỉ trụ hữu vi liên thuộc về tâm luân hồi.

Trước (bắt đầu biến đổi) sau (chứng cùng cực) mới sinh khởi, diệt: niệm niệm tàn tạ.

Trước quá khứ, sau quá khứ vị lai, có trụ kiếp, vô kiếp không, tụ kiếp thành, tán-kiếp hoại, khởi-hiện hạnh, chỉ-điều phục niệm niệm nối nhau tình giới, khí giới đều nương vọng niệm, sở y đã không dứt thì năng y cũng giống như vậy.

Tuần hoàn qua lại, khí giới là đã không lại thành, tình giới đã diệt lại sinh, hoặc nghiệp huân tập, báo luân hồi, trần sa kiếp-ba cũng chẳng dứt được, hai câu trên là chánh tông, chỉ rõ sự luân hồi.

Các thứ lấy bỏ đều là luân hồi, lấy là chấp lấy, chấp ngã, ngã sở, xả là nhàm chán xa lìa, nhàm chán sở y của khổ, lại đối với căn thân thì nhàm chán khổ thô chướng là bỏ, ưa thích tịnh diệu lìa là lấy, đối với khí giới thì nhàm chán xa lìa Ta-bà này là xả, ưa thích Cực lạc kia là lấy, hoặc lấy hoặc bỏ các thứ khác nhau, đều là vọng tâm điên đảo biến hiện ra sự luân hồi, nên luận chép: tất cả phân biệt tức là tự tâm

phân biệt, tâm chẳng thấy tâm, pháp chẳng phải tướng nào thật có. Kinh Thủ-lăng-nghiêm chép: Tự tâm chấp tự tâm, chẳng huyễn thành pháp huyễn.

- Kế là Chân tùy vọng chuyển, vẫn có ba:

*1. Pháp:*

Chưa ra khỏi luân hồi mà bàn luận viên giác thì tánh viên giác kia liền đồng với trôi lăn, thoát khỏi luân hồi thì không có việc đó, năng quán là tâm luân hồi, viên giác sở quán cũng giống như vậy. Như mộng thấy vật thật thì vật cũng là mộng. Hai là ví dụ. Thí như mắt động đập thì có thể lay động nước trong, do mắt thường động nên, nước trong như sóng lay động, lại như định nhãn do vòng lửa xoay tròn, kế là nhãn thức chậm chạp nên lửa thành tướng vòng tròn, mây trôi thì thấy mặt trăng đi, thuyền lướt thì thấy bờ chạy cũng giống như vậy, tưởng có thể thấy ba hợp.

Này người thiện nam! Các vòng lửa chưa dứt thì mắt thấy mây, thuyền, dụ cho tâm sinh tử cấu bần, vật kia trước trụ còn không thể được là nước lửa trăng bờ, dụ cho viên giác, hướng chi sinh tử trôi lăn, tâm cấu chưa từng thanh tịnh, quán Phật viên giác mà không xoay lại, chính là hợp. Ba kết thúc chỉ ra điều nghi ở trước.

Cho nên các ông liền sinh ba hoặc, tức là ba thứ nghi ở trước. Y theo ý chỉ ra của văn kết thúc này, liền biết định là gốc ngọn của trách trước khởi nghi, là trả lời các vấn nạn. Nếu là trả lời riêng một việc khó trong ba, tức là không hợp kết thúc chung ba hoặc. Người trí thì biết rõ, nhưng tuy chẳng chính thức trả lời nhưng đã là nêu lên thế lực xây dựng nghĩa trả lời, ý khiến chấm dứt ý nghi như trên, tức là nghi ngờ ở trước sớm hợp tự mất, hướng chi hoa đốm trong hư không, vàng quặng rõ ràng nói lên ví dụ.

*2. Văn ví dụ giải thích nghi ngờ hiện khởi, có hai:*

a) Ví dụ hoa đốm trong hư không chẳng khởi diệt.

b) Ví dụ quặng trong vàng không sinh lại. Trong phần đầu có ba:

Một là giải thích ví dụ, hai là hợp pháp, ba là kết thành. Ở đây trước chia nhỏ làm hai:

- Ví dụ bỏ màng che mắt thì hoa mất.

- Ví dụ hư không chẳng sinh ra hoa.

Này người thiện nam! Thí như mắt bị màng huyễn che lấp lầm thấy hoa đốm trong hư không, nếu cạo bỏ màng huyễn thì không thể nói che lấp này đã diệt lúc nào lại khởi tất cả các màng che, nghĩa là không biết hoa là do bị màng che. Vọng chấp từ hư không mà sinh, không biết

mê chân nên vọng sinh, chấp ngang trái chân có khả năng sinh ra vọng, đã bị che lấp đều không thấy hoa. Nghe nói do che lấp mà sinh, lại chấp lúc nào lại che, để ví dụ so sánh mê làm điên đảo vọng thấy luân hồi, nhờ nghe pháp môn Phổ nhãn, liễu ngộ căn trần thanh tịnh, nghe đạo nhờ đó trừ tâm mê nên được thanh tịnh, không phải mới được diệu môn. Lại chấp sớm muộn lại mê, giống như lúc nào lại che lấp, hỏi khi che lấp hết thì lúc khác có lại sinh hay không? không cần quyết định mãi mãi là không, làm sao lấy đây làm ví dụ?

Trả lời: Ví dụ nhưng chỉ lấy việc ngay lúc ấy, không nói trọn đời, nhưng vì người ngu lúc sáng sớm, sáng sớm chỉ thấy hoa, giờ ăn mất hết, thấy hoa sinh diệt lãng xãng, nghĩa là nói che lấp cũng mau khởi mau dừng, niệm niệm đợi chờ, nên nói rằng không thể, vì thế các kinh luận ví dụ giải thích lời Phật dạy như tỉnh giấc mộng lớn, đâu thể hỏi vặn rằng ngủ dậy tỉnh mộng. Ngại gì nói đêm lại ngủ lại mộng nếu hỏi vặn như thế thì đâu biết ví dụ! Vì sao? Vì hai pháp màng che và hoa chẳng đối đãi nhau, màng che không hẹn với hoa, hoa không sinh theo màng che, nhưng vì che nên vọng thấy, chẳng phải hoa thật sinh. Hai pháp mỗi pháp đều không biết nhau, hướng chi một không một có, cho nên nói không đối đãi nhau. Dù cho tâm mê sinh tử cũng vắng lặng, vì duyên mê nên dường như sinh tử, chúng sinh vốn tự không sinh, hoa huyễn không bao giờ khởi, đừng đem màng che đối đãi, đừng dùng mê mà cầu. Kim cương Tạng hỏi mục đích chính là ở đây, sau đây là ví dụ hoa đốm trong hư không rằng:

Cũng như khi hoa đốm trong hư không biến mất trong hư không, không thể nói rằng hư không lúc nào lại sinh hoa đốm nữa. Vì sao? Vì hư không vốn không có hoa nên chẳng khởi diệt. Ví dụ này trước đã bao gồm giải thích, văn rất dễ hiểu. Hai là hợp pháp.

Sinh tử, Niết-bàn đồng với khởi diệt, diệu giác viên chiếu xa lìa màng che và hoa đốm. Mê thì thấy sinh tử giống như hoa khởi, ngộ thì được Niết-bàn giống như hoa diệt, nói viên giác lìa hoa lìa màng che, thì phải cả hai sinh tử và vô minh, hư không chẳng tạm có không, tánh giác đâu quan hệ gì đến mê ngộ? Chúng sinh đã như hoa khởi, y theo đâu mà vặn hỏi vô minh? Vô minh sinh tử đã không, trách gì xưa nay thành Phật? Hoa đốm trong hư không chẳng bao giờ sinh trở lại, quả vị đâu còn trở lại mê? Vì mình chấp chặt không ngừng, thấy người khác tánh giác trôi lăn, nếu hiểu như thế thì sẽ dứt ngay ba nghi. Ba nghi móc xích nối nhau không phải là ba khoa đáp riêng, sau đây là ví dụ quặng vàng, tức là đáp thành Phật rồi không mê trở lại, nghi này quá sâu, nên

ví dụ lại. Ba là kết thành.

Này người thiện nam! Nên biết hư không chẳng tạm có, cũng chẳng tạm không, hướng chi Như lai thuận theo viên giác, hư không bản tánh bình đẳng, hư không của thế pháp còn không đồng với hoa khởi diệt, hướng Như lai thuận theo viên giác chân thường vắng lặng, là thể tánh của hư không ư?

Giác là tánh không: Kinh Phật đánh chép: Hư không sinh trong đại giác, lại nói: vắng lặng soi chiếu bao trùm hư không. Lại nói bình đẳng là viên giác tuy là tánh của hư không, mà lại thâm hợp với không phân trùm khắp pháp giới vô phân, vô hạn, không khác, năng y, sở y, nên nói là bình đẳng. Ý này nói: Hư không ở trong giác hư không còn thường vắng lặng, hướng chi giác là không tánh, đâu có thêm bớt, dụ như không bằng cho nên nói hướng nữa, sau ví dụ quặng vàng.

Này người thiện nam! Như luyện vàng, vàng chẳng phải do luyện mà có, vàng ở trong quặng, loại bỏ quặng thì vàng hiện, chẳng phải quặng tiêu mới có, nếu do luyện mà có thì luyện đá... cũng sẽ được vàng. Cho nên biết tuy là giả luyện vàng nhưng tánh vàng phải sẵn có mới thành vàng được, nếu không luyện thì quặng, có trải qua vô cùng thời kiếp tánh vàng cũng không hoại. Đây là nói ở quặng thì ẩn, ra quặng thì hiển rõ, ẩn và hiển tuy khác nhưng tánh vàng xưa nay bình đẳng.

Không nên nói rằng vốn chẳng sẵn có: giải thích tánh vàng sẵn có.

Như lai viên giác cũng giống như vậy là hợp pháp, quặng dụ phiền não, vàng dụ tánh giác, luyện ra trong sạch liền có ánh sáng, và có thể tùy thợ, tùy khuôn, thành tượng Phật... hoặc các dụng cụ, dụ cho ba thân Phật. Nhưng ví dụ này chỉ đáp hỏi vạn là thành Phật rồi thì không còn mê trở lại, trước thì y theo lý viên ngộ, chúng sinh và Phật đều là vốn chân, để thành nghĩa chúng sinh xưa nay thành Phật trong đoạn Phổ Nhãn, cho nên nêu hoa đốm trong hư không xưa nay không khởi không diệt, chẳng phải sau mới diệt, hợp pháp: sinh tử, Niết-bàn đồng với khởi diệt, cho nên đều chung cho ba câu vạn hỏi, ở đây y theo tướng bất hoại nhân quả, nên nói luyện quặng ra vàng. Hoa thì đầu cuối vốn không, quặng thì do luyện mới hết, ý nói: lý viên đốn tuy giống nhau nhưng mê ngộ không ngại thành khác, đã có nghiệp chướng huân tập nhiều đời, trở lại phải trái với huân tập hiển rõ chân thật, chân hiển rõ thì rốt ráo thanh tịnh, nếu chỉ dùng dụ ở trước thì bác bỏ không có tướng nhân quả mê ngộ. Liền thành tà kiến nếu chỉ dùng dụ này, thì thành tánh giác của

chúng sinh xưa nay bất tịnh, mất lý chân thường, cũng thành tà kiến, đạo lý mâu nhiệm một ví dụ khó sáng tỏ vì thế nói hai việc, cho nên biết ví dụ này chỉ trả lời câu hỏi vặn thứ ba. Ba là hiển rõ cạn cợt khó tạo sâu xa. Vẫn có hai:

1. Sở tạo lia niệm: Nay người thiện nam! Tất cả Như lai tâm viên giác mâu nhiệm, trước nêu tâm giác làm tổng, sau mới phủ dấu vết để nói chẳng phải đoạn diệt, nhưng lia chỗ được phủ thì đều là tâm giác, phủ nhẹ có ba tiết:

Vốn không có Bồ-đề và Niết-bàn, phủ tên chuyển y, do chuyển phiên não sinh tử nên gọi là Bồ-đề Niết-bàn, thể tuy tức gọi là chân nhưng nhờ vọng mà được.

Cũng chẳng có thành Phật và không thành Phật, không có vọng luân hồi và chẳng luân hồi, hai tiết này đều phủ bỏ đối đãi. Trong tánh viên giác đều không, việc này nếu có cái thấy hẹp hòi thì mê viên giác. Nên kinh Hoa Nghiêm chép: đối với pháp, nếu có cái thấy này thì chưa phải thấy, nếu không có thấy như thế là thấy Phật.

2. Năng tạo làm ngưng trệ tình cảm, vẫn có bốn:

- a) Nêu sự cao quý nêu sự yếu kém.
- b) Nêu ví dụ, hiển bày tình cảm.
- c) Ngăn ngừa dứt tâm vọng tâm.
- d) Lại làm sáng nghĩa vọng.

Đây là phần đầu, vẫn có hai cặp.

- Cặp lý trí tiểu Thánh.

Nay người thiện nam! Nhưng cảnh giới sở viên của Thanh văn thì thân tâm lời nói thấy đều đoạn diệt, chìm không đắm lặng, nguội thân bất trí, không bao giờ đến được Niết-bàn do thân chứng của kia hiện ra. Nếu chưa nhập diệt tức là Niết-bàn Hữu dư, hoặc đã nhập diệt tức là Vô dư Niết-bàn, sau đây là đối phạm tâm chân giác.

Hướng chi dùng tâm có suy nghĩ, các thứ chấp đắm để so suy lường cảnh giới viên giác của Như lai, hai cặp trên đây ý nói: chân trí hàng Tiểu Thánh còn không thể đích thân đến được lý của tiểu Thánh, hướng chi là phạm tâm thấp kém hơn trí ở trước, chân giác lại vượt lý trước, xoay vần cách xa làm sao có thể tạo ra ư! Như Bách liêu còn sợ tử tướng, trăm họ đâu dám gần thiên tử! Đây đồng với người chứng bốn quả của kinh Kim cương còn vô tâm nói ta chứng được bốn quả, há là Như lai có định pháp chứng được vô thượng Bồ-đề ư! Hai là nêu ví dụ hiển bày tình cảm, như lấy lửa đom đóm đốt núi Tu-di, không bao giờ được, nêu ví dụ, sau đây là hiển bày tình cảm.

Vì tâm luân hồi sinh ra cái thấy luân hồi, nhập vào biển vắng lặng hoàn toàn của Như lai, thì không bao giờ đến được, liền biết trước nêu thù thắng, ở đây nêu ví dụ và chính là nói lên tâm phân biệt không thể chứng giác, thậm chí ba thứ nghi ngờ vặn hỏi ở trước nói có tâm suy nghĩ, chính là đây nói dùng tâm luân hồi, trước nói cảnh giới viên giác, tức là ở đây nói hiển bày vắng lặng hoàn toàn. Có thể soi chiếu sâu xa, ba là ngăn dứt vọng tâm.

Cho nên ta nói: tất cả Bồ-tát và chúng sinh đời mạt pháp trước dứt bỏ cội gốc luân hồi từ vô thủy, chỉ cho vẫn chưa ra khỏi luân hồi... ở trước, nếu xa chỉ tức là chương Văn-thù trước dứt trừ vô minh, hoặc chỉ cho các kinh khác thì đều nói như thế, lại nói lên nghĩa vọng, vẫn có hai:

### *1. Không có thật thể.*

Này người thiện nam! Có ý suy nghĩ từ có tâm khởi, nêu lên căn thức hữu của năng khởi, tâm là biết, khởi là tâm sở, đều là duyên khí vọng tưởng của sáu trần, nêu lên trần cảnh có công năng lôi kéo, chẳng thật có tâm thể, thật tâm vô niệm.

Đã như hoa đốm trong hư không, dùng suy nghĩ này nói về cảnh Phật, giống như hoa đốm trong hư không lại kết quả không, xoay vẫn vọng tưởng thì không có việc ấy, dù thật có suy nghĩ nhưng suy nghĩ còn không thể chứng giác, huống chi tâm này sớm đã như hoa đốm trong hư không? Tự không có thật thể, hưởng thượng càng muốn cầu chứng, đâu khác gì kết quả như hoa đốm trong hư không? Nên nói xoay vẫn vọng tưởng.

### *2. Không có tác dụng cao siêu.*

Này người thiện nam! không thể thành tựu phương tiện viên giác, từ căn bản của nghi ngờ đối chiếu khảo sát tỉ mỉ thứ nhất, bao gồm một đoạn thứ ba này, đại ý đều là trách hỏi đả tình phân biệt lỗi lầm, cho nên trong đó thì tiết này gần nhất. Do ba phe nghi ngờ trước tiện đều dừng nhưng tâm thô phù khéo thấy vẫn không thể chứng giác.

Kết thúc lời hỏi không đúng lý, phân biệt như thế chẳng phải là hỏi đúng, vừa xem kinh nhiều lần, tức là dường như chỉ vẫn kết thúc cái thấy khéo léo, nghĩa ấy rõ ràng đều kết thúc một đoạn thứ ba, trước hỏi khen ngợi lành thay, ở đây trách chẳng đúng. Vì sao?

Đáp: trước khen ngợi khởi giáo tốt đẹp. Ở đây trách là hiển bày thật lý đó, ngờ một đoạn nghi này rất chướng ngại việc tu chứng, nếu không nêu lên, thì đời mạt pháp mê mãi nêu lên có ích lợi này, nên trước khen ngợi. Chỗ nêu của Kim cương Tạng ý là ở Phật trách, cho nên biết lỗi trách này, mới nêu lên có công, vừa xem như trước sau trái

nhau, rõ ràng chính là trước sau phù hợp, có thể xét nghĩ, nhiệm mầu là ở đây! Bốn đoạn trong kệ, ba đoạn trước hoàn toàn giống văn xuôi, hai câu sau hoàn toàn khác nhau.

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn nói lại nghĩa này nên Ngài nói kệ rằng:

*Kim cương Tạng nên biết!  
Như lai tánh vắng lặng,  
Không hề có trước sau,  
Nếu đem tâm luân hồi,  
Suy nghĩ liền trói buộc,  
Chỉ đến bờ luân hồi,  
Không thể vào biển Phật.*

Văn xuôi trước nêu lên tướng vọng, văn kệ trước nêu lên thật tánh.

*Thí như luyện quặng vàng,  
Vàng chẳng do luyện có.  
Tuy xưa nay là vàng,  
Cuối cùng luyện mà thành,  
Vừa thành thể vàng ròng,  
Không còn trở lại quặng.*

Lược bỏ không có bài tụng về hoa đốm trong hư không, rõ ràng ở



đoạn sau.

Sinh tử và Niết-bàn, phàm phu và chư Phật, đồng là tướng hoa đốm, sở tạo lia niệ̣m bởi do Văn xuôi hoa không khởi diệt, trong ví dụ văn kết thúc giống với đoạn này, vì thế ở đây cũng lấy ví dụ hoa đốm trong hư không, ý bao trùm trước sau.

*Suy nghĩ như huyễn hóa, Hướng chi hỏi  
luống dối, Tạo ra trệ ngại tình cảm, Nếu  
rõ được tâm này, Thì sau cầu viên giác.*

Một đoạn thứ tư này là y vào hiểu biết khởi hạnh. Cùng với Văn xuôi thứ tư lẫn nhau có không.

